TỔNG QUAN VỀ ASEAN

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967 trên cơ sở Tuyên bố Băng-cốc, với 5 nước thành viên ban đầu là In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan. Sau 40 năm tồn tại và phát triển với nhiều thăng trầm, ASEAN ngày nay đã trở thành một tổ chức hợp tác khu vực liên Chính phủ bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á (thêm 5 nước là Brunei, Cămpuchia, Lào, Mianma và Việt Nam), là một thực thể chính trị-kinh tế quan trọng ở Châu Á-Thái Bình Dương và là đối tác không thể thiếu trong chính sách khu vực của các nước lớn và các trung tâm quan trọng trên thế giới. Hiện nay, ASEAN đang chuyển sang giai đoạn phát triển mới với mục tiêu bao trùm là hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 và hoạt động dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.

Tài liệu này nhằm cung cấp một số thông tin khái quát về hợp tác ASEAN trong 50 năm qua.

I. KHÁI QUÁT VỀ ASEAN TRONG 50 NĂM QUA

1/.Bản chất*:* ASEAN được thành lập với mục tiêu công khai là hợp tác kinh tế và văn hoá-xã hội, nhưng thực chất là một tập hợp chính trị nhằm đối phó với tác động của cuộc chiến tranh ở Việt Nam khi đó và ngăn chặn nguy cơ chủ nghĩa cộng sản (cả từ bên ngoài và bên trong).

Sau 40 năm, ASEAN đã chuyển hóa căn bản về chất, thành viên, hình thức và nội dung hợp tác ; đến nay mang bản chất là sự tập hợp lực lượng không thể thiếu của các nước nhỏ và vừa, nhằm duy trì hòa bình và an ninh khu vực, tạo thế cho quan hệ của ASEAN với các đối tác bên ngoài, tạo điều kiện để các nước thành viên mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2/. Đặc trưng : ASEAN luôn có 2 mặt: vừa có thành công và vừa có hạn chế, cơ hội và thách thức, « hướng tâm » và « ly tâm », ... , nhưng về tổng thể là một tổ chức khá năng động và linh hoạt, luôn tự điều chỉnh để kịp thích nghi với tình hình đã thay đổi, khẳng định được giá trị tồn tại và vị thế quốc tế.

ASEAN luôn bảo đảm được « sự thống nhất trong đa dạng » trên cơ sở những lợi ích cơ bản chung cũng như các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, nhất là « đồng thuận » và « không can thiệp » ; biết tận dụng tối đa các ưu thế về địa - chính trị, địa-chiến lược và địa-kinh tế, giữ vai trò cân bằng và điều hòa lợi ích của các nước lớn ở khu vực.

ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực mở, hướng nhiều ra ngoài; đến nay hợp tác nội khối chưa phải là ưu tiên cao nhất của các nước thành viên, chỉ đạt mức độ và hiệu quả nhất định.

3/. Những thành tựu và hạn chế của ASEAN trong 40 năm qua :

3.1. Thành tựu:

a/. Thành tựu quan trọng và nổi bật nhất của Hiệp hội là đã hoàn tất ý tưởng về một ASEAN bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á, đưa đến những thay đổi căn bản về Hiệp hội cũng như đối với tình hình khu vực.

ASEAN-10 đã giúp chấm dứt sự chia rẽ và đối đầu giữa các nước Đông Nam Á; tạo dựng mối quan hệ mới về chất giữa các nước thành viên, trên cơ sở hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, hợp tác toàn diện và ngày càng chặt chẽ cả về song phương và đa phương. Đoàn kết và hợp tác ASEAN ngày càng được củng cố và tăng cường theo phương châm bảo đảm sự "thống nhất trong đa dạng", trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, nhất là nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

ASEAN-10 đã làm cho Hiệp hội trở thành một tổ chức hợp tác khu vực thực sự, mang tính toàn diện và năng động hơn; và là nhân tố quan trọng bảo đảm hòa bình, an ninh, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á và Châu Á-TBD. ASEAN cũng đã hình thành được cách tiếp cận và phương thức giải quyết riêng đối với những vấn đề của khu vực và quốc tế, đó là "*Phương cách ASEAN*", trong đó chú trọng đối thoại và hợp tác, năng động và linh hoạt để tìm được tiếng nói chung và đồng thuận.

b/. Hợp tác nội khối ngày càng được đẩy mạnh cả về chiều sâu và bề rộng; và đã đạt được những kết quả to lớn. Sự hình thành ASEAN-10 cùng với kết quả hợp tác nội khối trong 40 năm qua đã hỗ trợ tích cực cho các nước thành viên phát triển kinh tế-xã hội, đồng thời tạo ra những tiền đề vật chất quan trọng để ASEAN gia tăng liên kết khu vực sâu rộng hơn trong giai đoạn tiếp theo.

+ ***Về chính trị-an ninh***: Đây là lĩnh vực có nhiều hoạt động hợp tác nổi trội và là nhân tố quan trọng bảo đảm hòa bình và ổn định ở khu vực. Trước hết, sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa các nước thành viên ASEAN ngày càng gia tăng thông qua nhiều hoạt động đa dạng, trong đó có việc duy trì tiếp xúc thường xuyên ở các cấp, nhất là giữa các vị Lãnh đạo Cấp cao.

ASEAN chủ động đề xướng và tích cực phát huy tác dụng của nhiều cơ chế bảo đảm hòa bình và an ninh khu vực, như : Tuyên bố Đông Nam Á là Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN) năm 1971 ; Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông

Nam Á (TAC) ký năm 1976 và đến nay đã trở thành Bộ quy tắc ứng xử chỉ đạo mối quan hệ không chỉ giữa các nước Đông Nam Á mà cả giữa các nước ASEAN và các đối tác bên ngoài; Hiệp ước Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) năm 1995 ; Tuyên bố của các bên liên quan về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC) năm 2002, là bước quan trọng tiến tới Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) nhằm duy trì hòa bình và ổn định trên Biển Đông, ...

ASEAN khởi xướng lập Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) để tạo khuôn khổ thích hợp cho ASEAN và các đối tác bên ngoài tiến hành đối thoại và hợp tác về các vấn đề chính trị-an ninh ở Châu Á-TBD. ASEAN cũng tích cực đẩy mạnh hợp tác với nhau và với các đối tác bên ngoài thông qua nhiều khuôn khổ, hình thức và biện pháp khác nhau, nhằm đối phó với những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, thiên tai, bệnh dịch, ...

+ ***Về kinh tế***: là lĩnh vực có những bước tiến quan trọng và hiện là động lực đẩy nhanh tiến trình liên kết khu vực. Đến nay, ASEAN đã cơ bản hoàn tất các cam kết về hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (gọi tắt là AFTA), với hầu hết các dòng thuế đã được giảm xuống mức 0-5%. Tiếp đó, ASEAN đã xác định 12 lĩnh vực ưu tiên hội nhập sớm để đẩy mạnh hơn nữa thương mại nội khối. Kim ngạch thương mại nội khối hiện đạt khoảng 300 tỷ USD và chiếm khoảng 25% tổng kim ngạch thương mại của ASEAN.

Việc thực hiện các thỏa thuận về Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) đạt những tiến triển quan trọng. Hợp tác ASEAN cũng được đẩy mạnh và mở rộng trong nhiều lĩnh vực kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, giao thông vận tải, hải quan, thông tin viễn thông, tiêu chuẩn đo lường chất lượng… ASEAN cũng coi trọng đẩy mạnh thực hiện mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN, nhất là thông qua việc triển khai Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI) về hỗ trợ các nước thành viên mới (Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam).

Mặt khác, ASEAN tích cực tăng cường hợp tác kinh tế-thương mại với các đối tác bên ngoài, nhất là việc đàm phán thiết lập các khu vực mậu dịch tự do (FTA) với hầu hết các nước đối thoại của ASEAN, như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ôt-xtrây-lia và Niu Di-lân, ….

+ ***Về văn hóa-xã hội:*** các hoạt động hợp tác chuyên ngành ngày càng được mở rộng với rất nhiều chương trình/dự án khác nhau trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục-đào tạo, khoa học – công nghệ, môi trường, y tế, phòng chống ma tuý, buôn bán phụ nữ và trẻ em, HIV/AIDS, bệnh dịch…

Các hoạt động hợp tác này đã hỗ trợ cho các nước thành viên nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề liên quan, đồng thời giúp tạo dựng thói quen hợp tác khu vực, nâng cao nhận thức và ý thức cộng đồng ASEAN.

c/. Về quan hệ đối ngoại, ASEAN đã tạo dựng được quan hệ hợp tác nhiều mặt với nhiều đối tác quan trọng trên thế giới, khởi xướng thành công và giữ vai trò chủ đạo trong một số khuôn khổ hợp tác khu vực ở Châu Á-TBD. Hợp tác ASEAN rất đa dạng và phức tạp, không chỉ bó hẹp trong phạm vi khu vực Đông Nam Á và 10 nước thành viên ASEAN, mà còn kể cả quan hệ đối ngoại của ASEAN thông qua các khuôn khổ hợp tác khu vực do ASEAN lập ra và giữ vai trò chủ đạo như ASEAN+1, ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS) và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). Ngoài ra, ASEAN còn là nhân tố quan trọng của các khuôn khổ hợp tác khu vực và liên khu vực khác như Diễn đàn hợp tác Kinh tế Châu Á-TBD (APEC), Hội nghị Á-Âu (ASEM) và Diễn đàn Hợp tác Đông Á-Mỹ Latinh (FEALAC).

Thông qua quan hệ đối ngoại, ASEAN đã tranh thủ được sự hợp tác và hỗ trợ thiết thực từ các đối tác bên ngoài, phục vụ mục tiêu an ninh và phát triển của Hiệp hội ; đồng thời góp phần quan trọng thúc đẩy và kết nối các mối liên kết khu vực với nhiều tầng nấc khác nhau ở Châu Á-TBD.

3.2. Hạn chế.

+ Đến nay, ASEAN vẫn là một hiệp hội khá lỏng lẻo, tính liên kết khu vực còn thấp; sự đa dạng vẫn còn lớn, nhất là về chế độ chính trị-xã hội và trình độ phát triển giữa các nước thành viên.

+ ASEAN đề ra nhiều chương trình và kế hoạch hợp tác nhưng kết quả thực hiện còn hạn chế; tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động cồng kềnh, kém hiệu quả, nhất là việc tổ chức và giám sát thực hiện cam kết.

+ Việc duy trì đoàn kết và thống nhất ASEAN cũng như vai trò chủ đạo của Hiệp hội ở khu vực thường gặp không ít khó khăn và thách thức, do tác động của nhiều nhân tố khác nhau.

+ Tình hình nội bộ của một số nước cũng như quan hệ giữa các nước thành viên với nhau thường nảy sinh những vấn đề phức tạp, ảnh hưởng đến đoàn kết, hợp tác và uy tín của ASEAN.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN

1/. Quá trình hình thành.

1.1. Tháng 12/1997, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN và sau khi Hiệp hội đã bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á, Lãnh đạo các nước ASEAN đã

thông qua văn kiện quan trọng ***Tầm nhìn ASEAN 2020***, với mục tiêu tổng quát là đưa Hiệp hội trở thành "một nhóm hài hoà các dân tộc Đông Nam Á, gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau". Để triển khai Tầm nhìn 2020, Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 (*Hà Nội, tháng 12/1998*) đã thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) cho giai đoạn 1999-2004, trong đó đề ra các biện pháp/hoạt động cụ thể để thúc đẩy hợp tác ASEAN trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội và quan hệ đối ngoại. Do chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997-1998, nên hợp tác ASEAN nói chung và việc thực hiện các dự án trong khuôn khổ HPA nói riêng giai đoạn này chủ yếu tập trung vào khôi phục và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực cũng như khắc phục những hậu quả về mặt xã hội của cuộc khủng hoảng đối với các nước thành viên.

1.2. Tháng 10/2003, Lãnh đạo các nước ASEAN đã ký Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (hay còn gọi là Tuyên bố Ba-li II), nhất trí đề ra mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 với ba trụ cột chính: Cộng đồng An ninh (ASC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC); đồng thời khẳng định ASEAN sẽ tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài, vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và hợp tác cùng có lợi ở khu vực. Để triển khai và kế tục Chương trình Hành động Hà nội (HPA), ASEAN đã đề ra Chương trình Hành động Viên Chăn (VAP) cho giai đoạn 2004-2010 và các Kế hoạch hành động (KHHĐ) để xây dựng ba trụ cột Cộng đồng về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội, trong đó có hợp phần quan trọng là thực hiện Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) nhằm giúp thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN với kế hoạch hành động và các dự án cụ thể.

1.3. Để kịp thích ứng với những chuyển biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực cũng như trên cơ sở những thành tựu của ASEAN trong 40 năm qua nhất là kết quả thực hiện Chương trình Hành động Viên Chăn (VAP), Lãnh đạo các nước ASEAN tháng 1/2007 đã quyết tâm đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN, nhất trí mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 (thay vì vào năm 2020 như thỏa thuận trước đây).

Theo đó, ASEAN đã khẩn trương xúc tiến xây dựng các Kế hoạch tổng thể (Blueprint) để xây dựng Cộng đồng Chính trị-An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC), trong đó đề ra mục tiêu và thời hạn hoàn thành đối với từng biện pháp/hoạt động cụ thể.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-13 (tháng 11/2007), Lãnh đạo các nước đã ký Hiến chương ASEAN nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế cho gia tăng liên kết khu vực, trước mắt là hỗ trợ mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Hiến chương đã chính thức có hiệu lực ngày 15/12/2008.

1.4. Hội nghị Cấp cao ASEAN-14 (tháng 2/2009) đã thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN kèm theo 3 Kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột Cộng đồng ASEAN và Kế hoạch công tác về IAI giai đoạn 2 (2008-2015), đây là một văn kiện quan trọng như một chương trình hành động tổng thể đề ra khuôn khổ và các bước triển khai cụ thể để ASEAN tiếp tục đẩy mạnh nỗ lực thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, kế tục Chương trình Hành động Viên Chăn (VAP).

2. <u>Nội dung chính của Cộng đồng ASEAN</u>.

2.1. Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng Hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN; nhưng không phải là một tổ chức siêu quốc gia và không khép kín mà vẫn mở rộng hợp tác với bên ngoài.

Cộng đồng ASEAN sẽ được hình thành dựa trên 3 trụ cột là Cộng đồng Chính trị-An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội. Quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng như mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN (nhất là IAI) được lồng ghép vào nội dung của từng trụ cột Cộng đồng ASEAN.

2.2. Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC) nhằm mục tiêu là tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh cho phát triển ở khu vực ĐNA thông qua việc nâng hợp tác chính trị-an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với sự tham gia và đóng góp xây dựng của các đối tác bên ngoài ; không nhằm tạo ra một khối phòng thủ chung.

Kế hoạch hành động xây dựng APSC (được thông qua tại Cấp cao ASEAN-10, tháng 11/2004) đã khẳng định lại các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội và đề ra 6 lĩnh vực (thành tố) hợp tác chính gồm: (i) Hợp tác chính trị; (ii) Xây dựng và chia sẻ chuẩn mực ứng xử; (iii) Ngăn ngừa xung đột; (iv) Giải quyết xung đột; (v) Kiến tạo hòa bình sau xung đột; và (vi) Cơ chế thực hiện. Kèm theo đó là danh mục 75 hoạt động cụ thể để xây dựng APSC. Tuy nhiên, KHHĐ về APSC cũng như Chương trình hành động Viên Chăn (VAP) không quy định mục tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện đối với các hoạt động thuộc 6 thành tố nói trên. Kế hoạch tổng thể về APSC

mà ASEAN đang soạn thảo sẽ tập trung vào khía cạnh này, cụ thể hóa các hoạt động hợp tác về chính trị-an ninh.

Việc thực hiện VAP và KHHĐ về APSC đã đạt được những tiến triển tích cực. Hầu hết các biện pháp/hoạt động đã hoàn tất và đang được triển khai nằm trong 3 lĩnh vực đầu (Hợp tác chính trị; Hình thành và chia sẻ các chuẩn mực và Ngăn ngừa xung đột), trong đó tiến triển mới đáng chú ý là hoàn tất xây dựng Hiến chương ASEAN, hình thành cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN, ký kết Công ước ASEAN về chống khủng bố, ... Tuy nhiên, đối với 2 lĩnh vực còn lại (Giải quyết xung đột và Kiến tạo hòa bình sau xung đột) hầu như chưa có hoạt động nào được triển khai chủ yếu do các nước còn dè dặt, vì đây là những lĩnh vực mới và có phần phức tạp, nhạy cảm.

Trên cơ sở tiếp nối KHHĐ về APSC và Chương trình hành động Viên-chăn (hợp phần ASC) và phù hợp với quyết tâm rút ngắn xây dựng Cộng đồng ASEAN, ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể về APSC, nằm trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào 2015 được thông qua tại Cấp cao ASEAN-14 (tháng 2/2009). Các nội dung hợp tác trong Kế hoạch tổng thể cơ bản dựa trên các nội dung đã nêu trong Kế hoạch hành động ASC, bổ sung thêm mục hợp tác với bên ngoài và được sắp xếp lại, hướng tới xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh với ba đặc trưng chính: một Cộng đồng hoạt động theo luật lệ với các giá trị, chuẩn mực chung; một Khu vực gắn kết, hoà bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện; và một Khu vực năng động, rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng gắn kết và tuỳ thuộc lẫn nhau.

Để triển khai Kế hoạch tổng thể, Hội đồng APSC họp lần thứ hai tháng 7/2009 tại Phuket, Thái Lan, đã nhất trí tập trung thực hiện 13 lĩnh vực ưu tiên, trong đó có triển khai DOC và triển khai SEANWFZ.

2.3. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) nhằm mục tiêu tạo ra một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung cho cả khu vực; tạo sự hấp dẫn với đầu tư – kinh doanh từ bên ngoài.

Trên cơ sở kết quả thực hiện VAP (phần về AEC) nhất là việc đã cơ bản hoàn thành Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), ASEAN đã nhất trí thông qua Kế hoạch tổng thể về AEC với những đặc điểm và nội dung sau :

Đến năm 2015, ASEAN sẽ trở thành : (i) một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề ; (ii) Một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao; (iii) Một khu vực phát triển kinh tế đồng đều, nhất là thực hiện có hiệu quả Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI); (iv) Một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, ASEAN nhất trí đề ra Cơ chế thực hiện và Lộ trình chiến lược thực hiện Kế hoạch tổng thể.

ASEAN cũng nhất trí xác định 12 lĩnh vực ưu tiên đẩy nhanh liên kết với lộ trình hoàn thành đến năm 2010, đó là: Hàng nông sản; Ô tô; Điện tử; Nghề cá; Các sản phẩm từ cao su; Dệt may; Các sản phẩm từ gỗ; Vận tải hàng không; Thương mại điện tử ASEAN; Chăm sóc sức khoẻ; Du lịch; và Logistics.

Để đẩy mạnh các nỗ lực hình thành Cộng đồng Kinh tế (AEC), ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể xây dựng trụ cột này, là một bộ phận trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại HNCC ASEAN-14 (tháng 2/2009), với các quy định chi tiết về định nghĩa, quy mô, cơ chế và lộ trình thực hiện AEC.

2.4. Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC) với mục tiêu là phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ASEAN, sẽ tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến bình đẳng và công bằng xã hội, bản sắc văn hóa, môi trường, tác động của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ.

Chương trình hành động Viên chăn (VAP) và KHHĐ về ASCC đã xác định 4 lĩnh vực hợp tác (thành tố) chính là : (i) Tạo dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc; (ii) Giải quyết những tác động xã hội của hội nhập kinh tế; (iii) Phát triển môi trường bền vững; (iv) Nâng cao nhận thức và bản sắc ASEAN. Hàng loạt biện pháp/hoạt động cụ thể đã được đề ra trong từng lĩnh vực hợp tác này.

Theo đó, hợp tác ASEAN đã và đang được đẩy mạnh trên nhiều lĩnh vực khác nhau như : văn hóa, giáo dục-đào tạo, khoa học – công nghệ, môi trường, y tế, phòng chống ma tuý, buôn bán phụ nữ và trẻ em, HIV/AIDS, bệnh dịch, … Khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện KHHĐ về ASCC là thiếu nguồn lực. Đây là vấn đề ASEAN đang phải tập trung xử lý trong thời gian tới. Quá trình xây dựng Kế hoạch tổng thể về ASCC cũng phải tính đến việc huy động nguồn lực.

Tương tự như các trụ cột Cộng đồng Chính trị-An ninh và Kinh tế, Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa-xã hội (ASCC), một bộ phận của Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đang được ASEAN đẩy mạnh triển khai, tập trung vào một

số lĩnh vực ưu tiên như: phát triển nguồn nhân lực, phúc lợi và bảo trợ xã hội, quyền và công bằng xã hội, đảm bảo môi trường bền vững, xây dựng bản sắc ASEAN...

Hội đồng Cộng đồng Văn hóa xã hội sẽ nhóm họp lần đầu tiên trong tháng 8/2009 để điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể này cũng như tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tham gia trụ cột ASCC.

3. Triển vọng của ASEAN đến 2015.

Trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động đến triển vọng của ASEAN trong 10-15 năm tới, dự báo khả năng hiện thực nhất là ASEAN sẽ chuyển hóa dần từ một Hiệp hội khá lỏng lẻo thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ có mức độ ràng buộc pháp lý cao hơn và liên kết sâu rộng hơn, nhưng không trở thành một tổ chức siêu quốc gia; sẽ trở thành một thực thể chính trị-kinh tế gắn kết hơn, một cộng đồng "thống nhất trong đa dạng"; tiếp tục là một tổ chức hợp tác khu vực mở và có vai trò quan trọng ở Châu Á-Thái Bình Dương.

Liên kết ASEAN sẽ sâu rộng hơn, nhưng mức độ liên kết sẽ không đồng đều trong ba lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội, do sự đa dạng khá lớn giữa các nước thành viên, nhất là về khoảng cách phát triển, chế độ chính trị - xã hội cũng như những tính toán chiến lược và lợi ích quốc gia.

III. HIẾN CHƯƠNG ASEAN

1/. Quá trình hình thành Hiến chương ASEAN

Việc xây dựng Hiến chương ASEAN đã được Lãnh đạo các nước ASEAN nhất trí tại Cấp cao ASEAN-10 tháng 10/2004. Cấp cao ASEAN-11 (năm 2005) đã đề ra các nguyên tắc chỉ đạo cho việc xây dựng Hiến chương và quyết định lập Nhóm các nhân vật nổi tiếng (EPG) để tư vấn cho việc xây dựng Hiến chương. Nhóm này bao gồm cựu Lãnh đạo các nước ASEAN (đại diện của Việt Nam là nguyên Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm), đã hoạt động tích cực trong cả năm 2006 và đã đề xuất nhiều khuyến nghị cụ thể cho việc soạn thảo Hiến chương. Cấp cao ASEAN-12 (tháng 1/2007) đã quyết định giao Nhóm Đặc trách cao cấp (HLTF) soạn thảo Hiến chương ASEAN, dựa trên ý kiến chỉ đạo của Cấp cao ASEAN-11 và những khuyến nghị của Nhóm EPG về Hiến chương ASEAN; và phải hoàn tất Dự thảo để trình Cấp cao ASEAN-13. Theo đó, việc soạn thảo Hiến chương đã được tiến hành khẩn trương trong suốt năm 2007 với 13 vòng thương lượng của Nhóm HLTF; và 3 cuộc họp của các Ngoại trưởng để cho ý kiến chỉ đạo về hướng xử lý những vấn đề lớn.

Tại Cấp cao ASEAN-13 (tháng 11/2007), Lãnh đạo các nước ASEAN đã ký Hiến chương ASEAN và ra Tuyên bố chung khẳng định quyết tâm hoàn tất việc phê chuẩn Hiến chương trong vòng một năm.

Ngày 15/12/2008, sau khi được cả 10 quốc gia thành viên phê chuẩn, Hiến chương đã chính thức có hiệu lực.

2/. Nội dung chính của Hiến chương ASEAN.

Hiến chương ASEAN là một văn kiện pháp lý quan trọng nhất của ASEAN, gồm Lời nói đầu và 13 Chương, 55 Điều, với các nội dung lần lượt là: Mục đích - Nguyên tắc hoạt động; Tư cách pháp nhân; Quy chế thành viên; Cơ cấu tổ chức; Các thể chế liên quan tới ASEAN; Các ưu đãi miễn trừ; Ra quyết định; Giải quyết tranh chấp; Tài chính-ngân sách; Các vấn đề hành chính-thủ tục; Biểu trưng và Biểu tượng; Quan hệ đối ngoại và Các điều khoản chung.

2.1. Nội dung Hiến chương có một số điểm đáng chú ý sau:

- *Về Mục đích - nguyên tắc (Chương I)*: Khẳng định lại các mục đích và nguyên tắc cơ bản của ASEAN, nhất là mục đích hòa bình, an ninh, ổn định và hợp tác khu vực cũng như nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; đồng thời bổ sung một số mục đích và nguyên tắc mới cho phù hợp với tình hình, trong đó có những mục tiêu về liên kết ASEAN, thu hẹp khoảng cách phát triển, hướng về nhân dân và vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực, có nguyên tắc về việc các nước không tham gia và không cho phép bất kỳ quốc gia/đối tượng nào được sử dụng lãnh thổ của một nước thành viên để chống lại một nước thành viên khác.

- *Về tính chất (Chương II)*: ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực liên Chính phủ và có tư cách pháp nhân.

- *Về cơ cấu tổ chức (Chương IV)*: Bộ máy chính sẽ bao gồm Hội nghị Cấp cao (là cơ quan quyết định chính sách cao nhất, họp 2 lần một năm); 4 Hội đồng cấp Bộ trưởng, trong đó 3 Hội đồng về từng trụ cột của Cộng đồng ASEAN (Chính trị-An ninh, Kinh tế, Văn hoá-Xã hội) và 1 Hội đồng Điều phối chung (gồm các Ngoại trưởng); các Hội nghị Bộ trưởng chuyên ngành; Ủy ban các Đại diện Thường trực của các nước tại ASEAN (CPR), thường trú tại Gia-các-ta, In-đô-nê-xia; Ban Thư ký ASEAN và Tổng Thư ký ASEAN; Ban Thư ký ASEAN Quốc gia. Ngoài ra, ASEAN cũng sẽ lập Cơ quan nhân quyền ASEAN và quy định Cơ quan này sẽ phải hoạt động phù hợp với Điều khoản tham chiếu (TOR) do các Ngoại trưởng quyết định sau, trong đó xác định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc của Cơ quan này.

- *Về cách thức ra quyết định (Chương VII):* nguyên tắc chủ đạo là đồng thuận; khi không đạt đồng thuận, Cấp cao sẽ quyết định về cách thức ra quyết định phù hợp. Về thực thi các quyết định trong lĩnh vực kinh tế, có thể áp dụng công thức linh hoạt ASEAN-X, theo đó sẽ cho phép các nước có điều kiện, thực hiện việc mở cửa kinh tế, thị trường trước, nhưng phải trên cơ sở có đồng thuận về việc áp dụng phương thức đó.

- *Giải quyết tranh chấp, bất đồng (Chương VIII)*: thực hiện nguyên tắc giải quyết hòa bình, thông qua thương lượng các tranh chấp, bất đồng giữa các nước thành viên và dựa trên các thỏa thuận đã có của ASEAN. Trường hợp bất đồng không giải quyết được hoặc có vi phạm nghiêm trọng Hiến chương, vấn đề sẽ được trình lên Cấp cao quyết định.

- *Qui định về ký, phê chuẩn, hiệu lực và thực hiện (Chương XIII)*: Hiến Chương ASEAN sẽ do những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ nhân danh Nhà nước các nước thành viên ký; Hiến chương sẽ phải được phê chuẩn và sẽ có hiệu lực 30 ngày sau khi tất cả các quốc gia thành viên ASEAN phê chuẩn. Hiến chương sẽ được xem xét, bổ sung, sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tế 5 năm một lần.

2.2. Nhận xét chung về nội dung Hiến chương:

+ Về cơ bản, nội dung Hiến chương là sự đúc kết và hệ thống hóa những mục tiêu, nguyên tắc và thỏa thuận đã có của ASEAN trong một văn kiện pháp lý, có bổ sung và cập nhật cho phù hợp với tình hình mới trên cơ sở đồng thuận.

+ Những điểm mới chủ yếu là: (i) trao tư cách pháp nhân cho tổ chức ASEAN (vì Hiệp hội ra đời trên cơ sở một tuyên bố chính trị, chứ không phải là một văn kiện pháp lý); (ii) tổ chức bộ máy; (iii) phương thức hoạt động của ASEAN.

+ Điều quan trọng hàng đầu là Hiến chương khẳng định lại tính chất của ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực liên chính phủ và nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các nước thành viên (không phải là tổ chức siêu quốc gia như Liên minh Châu Âu). Tính chất liên Chính phủ của ASEAN là nền tảng và sẽ quyết định nhiều vấn đề cơ bản của ASEAN.

+ Hiến chương đã không đề cập đến một số ý tưởng hay khuyến nghị cấp tiến của Nhóm EPG như Liên minh ASEAN (ASEAN Union), Quốc hội ASEAN, Tòa án ASEAN, trừng phạt hoặc treo tư cách thành viên khi có vi phạm, ra quyết định bằng bỏ phiếu, …

+ Nhìn chung, nội dung Hiến chương là kết quả của quá trình thảo luận nghiêm túc và kỹ lưỡng, đã thể hiện khá cân bằng và dung hòa quan điểm của các nước thành

viên, phản ánh mức độ "thống nhất trong đa dạng" của ASEAN vào thời điểm hiện nay, phù hợp với các mục tiêu và lợi ích chung của các nước ASEAN.

3. Ý nghĩa của Hiến chương ASEAN.

Hiến chương ASEAN sẽ tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế cho Hiệp hội gia tăng liên kết khu vực, trước hết là thực hiện mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Hiến chương ASEAN là một nhu cầu tất yếu khách quan và là bước chuyển giai đoạn quan trọng của Hiệp hội sau 40 năm tồn tại và phát triển, phản ánh sự trưởng thành của ASEAN. Hiến chương ASEAN sẽ làm cho tổ chức ASEAN có tư cách pháp nhân và đưa đến những thay đổi lớn về tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của ASEAN.

Việc xây dựng và ký kết Hiến chương thể hiện tầm nhìn và quyết tâm chính trị mạnh mẽ của các nước ASEAN, nhất là của các vị Lãnh đạo về mục tiêu xây dựng một ASEAN liên kết chặt chẽ hơn và vững mạnh hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương, để hỗ trợ cho mục tiêu hòa bình và phát triển của cả khu vực cũng như từng nước thành viên.

4/. Tác động của Hiến chương đối với ASEAN.

Hiến chương ASEAN và tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN sẽ có tác động nhiều mặt, cả mặt thuận và thách thức đối với tương lai phát triển của Hiệp hội cũng như sự tham gia của từng nước thành viên, trong đó mặt thuận là cơ bản.

Sự ràng buộc về pháp lý cùng với sự đổi mới về bộ máy tổ chức và phương thức hoạt động của ASEAN sẽ giúp việc thực hiện các thỏa thuận nghiêm túc và kịp thời hơn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác. Một ASEAN ngày càng liên kết chặt chẽ và vững mạnh trên cơ sở pháp lý là Hiến chương sẽ giúp duy trì môi trường hòa bình và ổn định ở khu vực, hỗ trợ đắc lực cho từng nước thành viên phát triển kinh tế-xã hội cũng như hội nhập khu vực và quốc tế, gia tăng vị thế quốc tế trong quan hệ với các đối tác bên ngoài.

Mặt khác, với Hiến chương ASEAN, mỗi nước thành viên phải nghiêm túc hơn trong việc tham gia đàm phán và thực hiện các quyết định, thỏa thuận hợp tác của ASEAN, quan tâm hơn đến các mục tiêu chung của ASEAN nhằm bảo đảm sự gắn kết và lồng ghép hài hòa giữa các ưu tiên/chương trình quốc gia với các ưu tiên/chương trình hợp tác khu vực, điều chỉnh tổ chức tổ chức bộ máy trong nước cũng như đầu tư nguồn lực và nhân lực thích đáng hơn, để tham gia hợp tác ASEAN một cách chủ động và có hiệu quả.

Những tác động nói trên sẽ luôn tác động lẫn nhau và có thể thay đổi mức độ tùy theo kết quả hợp tác trong ASEAN; và mặt thuận là cơ bản và sẽ gia tăng dần trong tiến trình liên kết ASEAN.

5. Các hoạt động triển khai đưa Hiến chương vào cuộc sống.

Ngày 15/12/2008, Hiến chương đã chính thức có hiệu lực.

Hiện nay, ASEAN đang tích cực triển khai đưa Hiến chương vào cuộc sống, chủ yếu tập trung trên 2 mảng việc chính là xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức mới theo quy định tại Hiến chương cũng như các văn kiện pháp lý liên quan đến tư cách pháp nhân và cơ chế giải quyết tranh chấp bổ sung cho Hiến chương. Tới nay, cơ bản, bộ máy tổ chức mới của ASEAN đã đi vào hoạt động với việc nhóm họp của các Hội đồng Cộng đồng cấp Bộ trưởng theo dõi 3 trụ cột, Hội đồng Điều phối và Ủy ban các Đại diện thường trực ASEAN tại Gia-các-ta. Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền đã được Lãnh đạo ASEAN công bố thành lập tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-15 (tháng 10/2009).

Về khía cạnh pháp lý, các Ngoại trưởng ASEAN đã ký thông qua Hiệp định về Ưu đãi Miễn trừ của ASEAN nhằm cụ thể hóa các khía cạnh liên quan đến tư cách pháp nhân của ASEAN được quy định trong Hiến chương, đồng thời đang khẩn trương hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện còn lại, trong đó có Nghị định thư về Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Điều 25 của Hiến chương.

IV. QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA ASEAN

I. Khái quát chung.

Quan hệ đối ngoại của ASEAN là một mảng lớn trong các hoạt động của Hiệp hội; được hình thành từ năm 1973 và đã phát triển mạnh trong 40 năm qua, phản ánh tính chất mở của Hiệp hội và đã hỗ trợ đắc lực cho mục tiêu an ninh và phát triển của ASEAN. Để khẳng định tầm quan trọng của quan hệ đối ngoại, Hiến chương ASEAN đã có riêng một chương đề cập đến quan hệ đối ngoại của Hiệp hội, trong đó đã xác định các mục tiêu, nguyên tắc, định hướng, cơ chế và các vấn đề liên quan khác nhằm đẩy mạnh quan hệ đối ngoại của ASEAN.

Các đối tác bên ngoài nhìn chung đều coi trọng và tranh thủ quan hệ với ASEAN cũng như tác động đến Hiệp hội cả về đa phương và song phương nhằm hỗ trợ chính sách và lợi ích của họ ở khu vực. Các đối tác về cơ bản đều cam kết ủng hộ và hỗ trợ ASEAN xây dựng Cộng đồng, thu hẹp khoảng cách phát triển và phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong các tiến trình khu vực ASEAN khởi xướng như ASEAN+3, EAS và ARF; hỗ trợ đáng kể về tài chính ở mức độ khác nhau. Gần đây,

các đối tác này ngày càng quan tâm đến việc lồng ghép chính sách song phương và đa phương trong quan hệ với ASEAN do Hiệp hội ngày càng trở thành một thực thể chính trị-kinh tế gắn kết hơn. Đến nay đã có 27 nước cử Đại sứ về ASEAN.

Quan hệ đối ngoại của ASEAN bao gồm các khuôn khổ ASEAN+1, ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS) và Diễn đàn Khu vực ASEAN. Cụ thể gồm:

1/. Khuôn khổ ASEAN + 1 (với từng đối tác bên ngoài). ASEAN hiện có quan hệ đối thoại và hợp tác với 10 nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn độ, Pakistan, Ôt-xtrây-lia, Niu Di lân, Nga, Hoa Kỳ và Canada), 1 tổ chức khu vực là Liên minh Châu Âu (EU) và 1 tổ chức quốc tế là Liên Hợp Quốc. ASEAN hiện là quan sát viên của LHQ và có quan hệ với nhiều tổ chức khu vực khác trên thế giới.

Về cơ chế hợp tác, đã hình thành ở nhiều cấp khác nhau từ quan chức đến Bộ trưởng và Lãnh đạo Cấp cao. Hiện nay, ASEAN có cơ chế họp Cấp cao hàng năm với Trung Quốc, Nhật bản, Hàn Quốc và Ấn độ (nhân dịp Cấp cao ASEAN thường niên); đã họp Cấp cao lần đầu tiên nhân dịp đặc biệt với Úc và Niu Di-lân (tháng 11/2004), với Nga (tháng 12/2005), với EU (tháng 11/2007), với LHQ (năm 2000 và 2005), với Hàn Quốc (tháng 6/2009). Hiện ASEAN đang thu xếp để có thể họp Cấp cao ASEAN-Nga lần thứ 2, Cấp cao Kỷ niệm ASEAN-Mỹ và ASEAN-Niu Di lân trong năm 2010.

Đến nay, ASEAN cùng với hầu hết các đối tác nói trên đã nhất trí hình thành các khuôn khổ đối tác chiến lược hoặc toàn diện mang tính lâu dài, kèm theo các chương trình và kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện. Các chương trình/kế hoạch hành động đang được triển khai tích cực với nhiều biện pháp/hoạt động khác nhau, kể cả thỏa thuận lập các Khu vực mậu dịch tự do (FTA/CEP) giữa ASEAN với nhiều đối tác quan trọng như Trung Quốc, Nhật bản, Hàn Quốc, EU, Ấn Độ, Ôx-trây-lia và Niu Di-lân. ASEAN đã lập các Trung tâm ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN-Nhật Bản nhằm thúc đẩy đầu tư, thương mại và du lịch và hiện đang đàm phán dự thảo MOU lập Trung tâm ASEAN-Trung Quốc.

2/. Tiến trình ASEAN+3 (với ba nước Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật và Hàn quốc). Khuôn khổ này được hình thành năm 1997 với việc họp Cấp cao không chính thức lần đầu tiên giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, và được chính thức hóa năm 1999 với việc thông qua Tuyên bố chung về Hợp tác Đông Á. ASEAN+3 ra đời xuất phát từ nhu cầu hợp tác của các nước khu vực nhằm đối phó với tác động của khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997.

Sau 10 năm, hợp tác ASEAN+3 đang phát triển nhanh cả về chiều rộng và chiều sâu, với sự hình thành 52 cơ chế hợp tác ở các cấp khác nhau, kể cả Cấp cao hàng năm (nhân dịp Cấp cao ASEAN). Các lĩnh vực hợp tác được mở rộng bao gồm cả an ninh-chính trị, kinh tế, tài chính-tiền tệ, nông nghiệp, khoa học và công nghệ, giao thông vận tải, năng lượng, môi trường, du lịch, công nghệ thông tin, y tế, lao động, văn hóa, tội phạm xuyên quốc gia và an sinh xã hội.

Tháng 1/2007, Lãnh đạo các nước liên quan đã ra Tuyên bố chung về Hợp tác Đông Á (lần 2) và Kế hoạch hành động thực hiện kèm theo nhằm đề ra phương hướng và biện pháp gia tăng hợp tác, hướng tới mục tiêu lâu dài là xây dựng cộng đồng Đông Á; và ASEAN+3 được coi là khuôn khổ chính để tiến tới mục tiêu này. Các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN+3 đã thông qua Định hướng triển khai Chương trình công tác ASEAN+3 thực hiện Tuyên bố chung và Kế hoạch hành động.

Hợp tác kinh tế, tài chính-tiền tệ ASEAN+3 là lĩnh vực đạt kết quả tích cực, nhất là trong hợp tác xử lý hiệu quả tác động của Khủng hoảng kinh tế-tài chính toàn cầu. ASEAN+3 đã nhất trí đa phương hóa Sáng kiến Chiềng Mai (đề xuất năm 2000), tăng quy mô vốn từ 80 tỉ USD lên 120 tỉ USD và các cấu phần của CMIM; dự kiến CMIM sẽ triển khai trong năm 2009. ASEAN+3 cũng đã nhất trí lập Cơ chế Bảo hiểm và Đầu tư tín dụng trong Sáng kiến Thị trường trái phiếu Châu Á (đề xuất năm 2003) với khoản vốn ban đầu 500 triệu USD. Ngoài ra, ASEAN+3 đang tích cực thúc đẩy khả năng lập Khu vực Mậu dịch tự do Đông Á (EAFTA). Báo cáo nghiên cứu khả thi về EAFTA của Kênh II đã hoàn tất và dự kiến được trình lên Cấp cao ASEAN+3 lần thứ 12 tháng 10/2009.

ASEAN+3 cũng quyết tâm đẩy mạnh hợp tác đối phó với các thách thức toàn cầu như khủng hoảng lương thực, năng lượng, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh truyền nhiễm… thông qua lập Quỹ Dự trữ gạo khẩn cấp, hợp tác tìm kiếm các nguồn năng lượng sạch thay thế, giảm lượng khí thải, tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển giao công nghệ sản xuất vắc-xin/thuốc giá rẻ và tăng lượng vắc-xin dự trữ phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, chia sẻ và cập nhật thông tin về dịch cúm…

ASEAN+3 đã lập Quỹ Hợp tác ASEAN+3 (APTCF) với số vốn ban đầu là 3 triệu USD, trong đó mỗi nước +3 đóng 900.000 USD và ASEAN đóng 300.000 USD (được trích từ Quỹ Phát triển ASEAN) nhằm tập trung nguồn lực hỗ trợ triển khai các biện pháp trong Kế hoạch Công tác ASEAN+3 (2007-2017) và tài trợ cho các dự án hợp tác khác trong khuôn khổ ASEAN+3.

3/. Cấp cao Đông Á (EAS). EAS ra đời tháng 12/2005 với sự tham gia của 16 thành viên gồm 10 nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật bản, Hàn quốc, Ấn Độ, Ôt-xtrây-lia và Niu Di-lân. Tại Hội nghị EAS đầu tiên, Lãnh đạo các nước đã ký Tuyên bố chung về Cấp cao Đông Á, trong đó đề ra mục tiêu, nguyên tắc, lĩnh vực và các phương thức chính cho hoạt động của EAS. Theo đó, EAS sẽ là diễn đàn của các Lãnh đạo đối thoại về các vấn đề chiến lược nhằm hỗ trợ mục tiêu xây dựng cộng đồng ở khu vực Đông Á; là một tiến trình mở và thu nạp, trong đó ASEAN giữ vai trò chủ đạo; bổ sung và hỗ trợ cho các diễn đàn khu vực khác hiện có, họp hàng năm do ASEAN chủ trì nhân dịp Cấp cao ASEAN.

Lãnh đạo các nước đã nhất trí xác định 5 lĩnh vực hợp tác ưu tiên (trong số gần 20 lĩnh vực được đề cập đến trong thảo luận) gồm năng lượng, tài chính, giáo dục, thiên tai và bệnh dịch. Đến nay, Cấp cao Đông Á đã họp 4 lần; chưa lập cơ chế hỗ trợ chính thức, nhưng đã tổ chức một số cuộc họp không thức ở kênh ngoại giao (Bộ trưởng Ngoại giao và cấp Quan chức cao cấp) và một số kênh khác thuộc các lĩnh vực ưu tiên như Hội nghị Bộ trưởng Môi trường EAS.

ASEAN chưa quyết định về việc mở rộng EAS cũng như Quy chế quan sát viên của EAS. Hội nghị hẹp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (4/2005) đề ra 3 tiêu chí tham gia EAS là: (i) là đối thoại đầy đủ của ASEAN; (ii) tham gia TAC; (iii) hợp tác hiệu quả với ASEAN.

4/. Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF).

Diễn đàn này được thành lập năm 1994, tạo ra khuôn khổ thích hợp cho ASEAN và các đối tác bên ngoài tiến hành đối thoại và hợp tác về các vấn đề chính trị-an ninh ở Châu Á-TBD ở cấp quan chức và Bộ trưởng Ngoại giao. Với 17 thành viên ban đầu, đến nay ARF đã có 27 thành viên, và đang có thêm nhiều quốc gia khác xin tham gia. ARF dự kiến sẽ trải qua ba giai đoạn phát triển theo tuần tự là : Xây dựng lòng tin (CBM) ; Ngoại giao phòng ngừa (PD) ; và Xem xét cách thức giải quyết xung đột. Đến nay, ARF đang chuyển giai đoạn từ CBM sang PD trong lúc vẫn tiếp tục thực hiện CBM. Các lĩnh vực đối thoại và hợp tác bao gồm cả các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống. Cùng với các quan chức ngoại giao, sự tham gia của các quan chức quốc phòng vào tiến trình ARF ngày càng sâu rộng và được nâng cấp dần (hiện ở cấp Thứ trưởng Quốc phòng).

Hội nghị Bộ trưởng Diễn đàn ARF lần thứ 16 (tháng 7/2009) đã thông qua Tuyên bố Tầm nhìn ARF, văn kiện định hướng phát triển của ARF đến năm 2020.

Nội dung của tài liệu này bao hàm các nguyên tắc cơ bản của ARF, định hướng và một số bước đi cụ thể xây dựng Diễn đàn.

2. Quan hệ cụ thể với các Bên Đối thoại

2.1. Quan hệ ASEAN-Úc và Niu Di-lân:

ASEAN thiết lập quan hệ đối thoại với Úc từ năm 1974 và với Niu Di-lân từ năm 1975 với cơ chế đối thoại cấp Tổng Vụ trưởng. Cho đến nay quan hệ đối thoại và hợp tác đã và đang phát triển nhanh và tích cực. Tháng 11/2004 tại Viên-chăn, ASEAN đã tổ chức Cấp cao Kỷ niệm 30 năm quan hệ với Úc và Niu Di-lân, ký Tuyên bố chung, khẳng định ý chí chính trị và quyết tâm thúc đẩy quan hệ đối tác nhiều mặt, từ đó tạo đà thúc đẩy hơn nữa quan hệ trong tương lai. Niu Di-lân cũng đề nghị tổ chức Cấp cao ASEAN-Niu Di lân kỷ niệm 35 thiết lập quan hệ trong năm 2010 tại Việt Nam.

Năm 2005, Úc và Niu Dilân đã tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC). Năm 2007, ASEAN và Úc ký Tuyên bố chung Đối tác Toàn diện và Chương trình Hành động thực hiện Tuyên bố chung. Úc và Niu Dilân đều cam kết mạnh mẽ hỗ trợ ASEAN xây dựng cộng đồng, thu hẹp khoảng cách phát triển…

ASEAN duy trì cơ chế họp Bộ trưởng Ngoại giao hàng năm với Úc và Niu Di-lân trao đổi về các vấn đề chính trị - an ninh khu vực. Hợp tác kinh tế phát triển nhanh; ASEAN và Úc và Niu Di-lân đã lập cơ chế tham vấn giữa các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và CER từ năm 1995. Năm 2000, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN-Úc+Niu Di-lân đã quyết định lập Khuôn khổ Đối tác Kinh tế gần gũi AFTA-CER CEP với mục tiêu chính là tăng gấp đôi thương mại và đầu tư hai bên vào năm 2010. Hai bên đã ký Hiệp định thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Úc+Niu Di-lân (AANZFTA) bên lề Cấp cao ASEAN-14 (Thái Lan, 27/2/2009).

Chương trình Hợp tác Phát triển ASEAN-Úc giai đoạn hai (AADCP II, 2008-2015) với mục tiêu hỗ trợ ASEAN thúc đẩy xây dựng Cộng đồng, liên kết kinh tế, thu hẹp khoảng cách và triển khai Hiến chương ASEAN, được thông qua tháng 2/2008, trong đó AusAID cam kết đóng góp 57 triệu đôla Úc. Tháng 7/2009, ASEAN và Úc đã ký MOU triển khai AADCP II. Úc cũng đóng góp 13 triệu đô la Úc cho Ủy hội sông Mê-kông và 1,2 triệu đô la Úc nhằm thúc đẩy thương mại dọc các hành lang vận tải chính trong khu vực Tiểu vùng Mêkông Mở rộng. Với Niu Di-lân, hai bên nhất trí sẽ xây dựng dự thảo Khuôn khổ Hợp tác ASEAN-Niu Di-lân giai đoạn 2010-2015 nhằm hỗ trợ ASEAN xây dựng cộng đồng.

2.2. Quan hệ ASEAN-Ca-na-đa:

Quan hệ đối thoại ASEAN-Ca-na-đa được thành lập năm 1977. Năm 1981, ASEAN và Ca-na-đa đã ký Hiệp định Hợp tác Kinh tế ASEAN-Ca-na-đa (ACECA), đặt nền tảng cho hợp tác thương mại và công nghiệp giữa hai bên, và năm 1993 lập cơ chế họp Ủy ban Hợp tác chung (JCC) để thúc đẩy các hoạt động hợp tác.

Sau một thời gian dài chững lại kể từ năm 1997 (chủ yếu là do gặp trở ngại liên quan đến chính sách của Canada đối với Mianma), quan hệ ASEAN-Ca-na-đa hiện đang có những tiến triển tích cực. Hai bên đã lập cơ chế Cuộc họp đối thoại thường kỳ ASEAN-Ca-na-đa để bàn về các biện pháp tăng cường quan hệ đối thoại hai bên. Hai bên đã thực kiện có kết quả Kế hoạch Công tác chung ASEAN-Ca-na-đa 2005-2007 gồm 17 lĩnh vực hợp tác về chính trị-an ninh, kinh tế và hợp tác phát triển. Tháng 7/2007, các Ngoại trưởng đã thông qua Kế hoạch Công tác chung ASEAN-Ca-na-đa lần thứ 2 cho giai đoạn 2007-2010. Hai bên cũng đang xúc tiến việc đàm phán nhằm ký kết Thoả thuận khung về Hợp tác Thương mại và Đầu tư ASEAN-Ca-na-đa (TIFA) để tạo khuôn khổ pháp lý nhằm tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư giữa hai bên.

Tháng 7/2009, ASEAN và Canada đã thông qua Tuyên bố về Quan hệ Đối tác tăng cường để định hướng quan hệ hợp tác cho giai đoạn mới. Hai bên sẽ xây dựng Kế hoạch Hành động 2010-2015 để triển khai Tuyên bố này, dự kiến thông qua tại PMC 2010. Canada cũng bày tỏ nguyện vọng sớm tham gia Hiệp ước TAC.

2.3. Quan hệ ASEAN-Trung Quốc:

Quan hệ đối thoại ASEAN-Trung Quốc được thiết lập năm 1991 và đang phát triển mạnh, toàn diện trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và hợp tác chuyên ngành. Năm 2003, ASEAN và Trung Quốc đã thông qua Tuyên bố chung về Quan hệ Đối tác Chiến lược vì Hòa bình và Thịnh vượng, nâng quan hệ đối thoại và hợp tác lên một tầm cao mới và hiện đang tích cực triển khai Tuyên bố chung thông qua Chương trình Hành động cụ thể.

ASEAN và Trung Quốc xác định 11 lĩnh vực hợp tác ưu tiên (gồm nông nghiệp, công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển nguồn lực, đầu tư hai chiều, phát triển Lưu vực Sông Mê Công, giao thông, năng lượng, văn hóa, du lịch, y tế cộng đồng và môi trường) và đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong triển khai thực hiện, nhất là về kinh tế-thương mại.

Về chính trị-an ninh, ASEAN và Trung Quốc đã ký một loạt thỏa thuận hợp tác, trong đó có Tuyên bố chung ASEAN-Trung Quốc về Hợp tác trong lĩnh vực an

ninh phi truyền thống và Tuyên bố chung về Ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC). Trung Quốc là nước Đối thoại đầu tiên tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở khu vực Đông Nam Á (TAC) tháng 10/2003; và cũng tỏ sẵn sàng sớm tham gia Nghị định thư về Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ). Đồng thời, Trung Quốc cũng tích cực tham gia các tiến trình hợp tác do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt như ARF, ASEAN + 3, EAS. Nhiều sáng kiến do Trung Quốc khởi xướng đã trở thành thông lệ như tổ chức Hội nghị Chính sách An ninh hàng năm, xây dựng quy chuẩn về phòng chống thiên tai trong ARF…

Về kinh tế-thương mại, ASEAN và Trung Quốc hiện là bạn hàng mậu dịch lớn thứ 4 của nhau với giá trị thương mại 2 chiều tăng từ 59,6 tỉ USD năm 2003 lên 171,1 tỉ USD năm 2007 và đạt 230.1 tỉ USD năm 2008; đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc vào ASEAN đạt 3,6 tỉ USD năm 2007; đầu tư 2 chiều tăng lên 60 tỉ USD năm 2008. Tháng 11/2002, hai bên đã ký Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện nhằm lập Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) vào năm 2010 đối với Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippine, Xinh-ga-po và Thái lan và vào năm 2015 đối với 4 thành viên mới của ASEAN là Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam. Theo lộ trình lập ACFTA, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định Thương mại Hàng hóa và Hiệp định về Cơ chế Giải quyết Tranh chấp (11/2004) và từ đầu năm 2005 đã thực hiện chương trình "Thu hoạch sớm" trong khuôn khổ ACFTA. Tại Cấp cao ASEAN-Trung Quốc (tháng 1/2007), hai bên đã ký Hiệp định Thương mại Dịch vụ và dự kiến sẽ ký Hiệp định Đầu tư vào tháng 8/2009. Hai bên cũng tích cực triển khai nhiều hoạt động xúc tiến trao đổi thương mại-đầu tư như tổ chức các Hội chợ EXPO ASEAN-Trung Quốc thường niên; hiện hai bên đang đàm phán MOU lập Trung tâm ASEAN-Trung Quốc tại Bắc Kinh nhằm thúc đẩy thương mại, đầu tư và du lịch.

Về hợp tác phát triển, ASEAN và Trung Quốc tích cực thúc đẩy hợp tác nông nghiệp, công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, phát triển nguồn nhân lực, văn hóa-xã hội, y tế cộng đồng, giao lưu nhân dân v.v… Hai bên đã ký các MOU và xây dựng các Chương trình/chiến lược hợp tác trong từng lĩnh vực cụ thể. Để tài trợ triển khai các hoạt động hợp tác này, Trung Quốc lập Quỹ Hợp tác ASEAN-Trung Quốc, đến nay đã góp hơn 10,7 triệu USD vào Quỹ và cam kết sẽ tiếp tục đóng góp trong những năm tới.

2.4. Quan hệ ASEAN-Nhật:

Quan hệ đối thoại và hợp tác ASEAN-Nhật được tạo dựng năm 1973 và chính thức thiết lập từ năm 1977 với việc tổ chức diễn đàn ASEAN-Nhật lần đầu tiên. Quan

hệ đối tác ASEAN-Nhật nhìn chung phát triển nhanh, toàn diện và thực chất. Tháng 12/2003 tại Tokyo, ASEAN và Nhật đã tổ chức Cấp cao kỷ niệm 30 năm quan hệ và Lãnh đạo hai bên đã ký "Tuyên bố chung Tokyo về Quan hệ Đối tác ASEAN-Nhật Năng động và Bền vững trong Thiên niên kỷ mới" cùng với Kế hoạch hành động kèm theo, đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ đối tác và tạo tiền đề cho quan hệ đối tác toàn diện ASEAN-Nhật.

Về chính trị-an ninh, hai bên đã ký Tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố quốc tế (11/2004) và triển khai nhiều hoạt động hợp tác trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Nhật đã tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC); tham gia tích cực khuôn khổ hợp tác ASEAN+3, EAS và ARF.

Hợp tác kinh tế ASEAN-Nhật ngày càng phát triển mạnh mẽ. Nhật Bản hiện là đối tác thương mại lớn nhất và là 1 trong những nhà đầu tư lớn nhất của ASEAN. Tháng 10/2003, các nhà Lãnh đạo ASEAN và Nhật đã ký Khuôn khổ Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật (CEP) nhằm tăng cường liên kết kinh tế giữa ASEAN và Nhật, thúc đẩy tự do hóa, tạo thuận lợi trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa ASEAN và Nhật cũng như tạo khuôn khổ đầu tư minh bạch và tự do hơn. Khuôn khổ này cũng bao gồm việc thành lập khu vực mậu dịch tự do (FTA) giữa ASEAN và Nhật với mục tiêu dự kiến hoàn thành trước năm 2012, riêng các nước CLMV được lùi thêm 5 năm (2017). Trên cơ sở đó, ASEAN và Nhật Bản đã đàm phán và ký Hiệp định khung về Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) ngày 14/4/2008.

Về hợp tác phát triển, Nhật là một trong những nước đối thoại hỗ trợ lớn nhất cho ASEAN trong việc xây dựng cồng đồng và thu hẹp khoảng cách phát triển thông qua Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) và Kế hoạch Hành động Viên Chăn (VAP) cũng như các sáng kiến phát triển tiểu vùng và các chương trình hợp tác phát triển như Chương trình trao đổi ASEAN-Nhật (JAEP), Quỹ trao đổi ASEAN-Nhật, Quỹ liên kết ASEAN-Nhật (JAIF)…

2.5. Quan hệ ASEAN-Hàn Quốc:

ASEAN và Hàn Quốc lập quan hệ đối thoại theo lĩnh vực từ năm 1989 và chính thức lập quan hệ đối thoại đầy đủ từ năm 1991. Quan hệ đối thoại và hợp tác ASEAN-Hàn Quốc hiện đang phát triển nhanh cả về chiều rộng và chiều sâu, với nhiều chương trình, dự án cụ thể và có hiệu quả. ASEAN và Hàn Quốc đã ký Tuyên bố chung về Quan hệ Đối tác Hợp tác toàn diện (Viên-chăn, 11/2004) nhằm tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế thương mại cũng như giúp ASEAN thu

hẹp khoảng cách phát triển. Hai bên đã họp Cấp cao kỷ niệm 20 năm lập quan hệ (tháng 6/2009), cam kết thúc đẩy quan hệ đối thoại tiến triển hơn nữa.

Hợp tác ASEAN-Hàn Quốc trên lĩnh vực chính trị -an ninh tiến triển thuận lợi, tập trung vào hợp tác trên các vấn đề an ninh phi truyền thống với nhiều dự án tăng cường năng lực, chia sẻ thông tin và hợp tác công nghệ. ASEAN và Hàn Quốc đã ký Tuyên bố chung về Hợp tác chống khủng bố quốc tế (7/2005). Hàn Quốc cũng đã tham gia Hiệp ước TAC năm 2004.

Về thương mại và đầu tư, Hàn Quốc hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4 của ASEAN và là 1 trong 10 nước đầu tư lớn nhất vào ASEAN. ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Hàn Quốc. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-Hàn Quốc (tháng 12/2005), hai bên đã nhất trí thành lập một Khu vực mậu dịch tự do (FTA) ASEAN-Hàn Quốc với lộ trình cụ thể là năm 2010 sẽ lập FTA giữa Hàn Quốc với Brunei, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Philipin, Xinh-ga-po và Thái Lan; năm 2016 với Việt Nam; và 2018 với Campuchia, Lào, và Myanma. Tháng 8/2006, các Bộ trưởng Kinh tế hai bên đã ký Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Hàn Quốc. Hai bên đã ký Hiệp định Thương mại Hàng hóa (2006), Thương mại Dịch vụ (2007), và Đầu tư (tháng 6/2009). Trung tâm ASEAN-Hàn Quốc (AKC) cũng đã chính thức hoạt động từ tháng 3/2009 nhằm góp phần thúc đẩy đầu tư, thương mại và du lịch hai bên.

Hợp tác phát triển giữa ASEAN và Hàn Quốc tập trung vào các lĩnh vực giao thông, du lịch, nông nghiệp, khoa học công nghệ, môi trường, sức khoẻ, phát triển nguồn nhân lực, văn hóa, giao lưu nhân dân và thu hẹp khoảng cách. Đến nay, Hàn Quốc đã tài trợ 39 triệu USD cho các dự án hợp tác với ASEAN.

2.6. Quan hệ ASEAN-Mỹ:

Quan hệ đối thoại ASEAN-Mỹ chính thức bắt đầu từ 1977; đến nay được duy trì chủ yếu thông qua các cuộc họp Đối thoại cấp Thứ trưởng ngoại giao. Bắt đầu từ năm 2009, hai bên đã lập thêm cơ chế họp Ủy ban Hợp tác chung (cấp Tổng Vụ trưởng). Hàng năm Ngoại trưởng Mỹ tham dự các cuộc họp PMC/ARF; tuy nhiên đến nay chưa có cơ chế họp Cấp cao ASEAN-Mỹ (ngoài cuộc gặp giữa Tổng thống Mỹ với Lãnh đạo 7 nước ASEAN là thành viên APEC bên lề các Hội nghị Cấp cao APEC từ 2002 đến nay).

Quan hệ đối thoại ASEAN-Mỹ nhìn chung hiện đang tiến triển tích cực. Ngày 17/11/2005, Lãnh đạo Cấp cao các nước ASEAN và Mỹ đã thông qua Tuyên bố Tầm nhìn chung về Quan hệ đối tác tăng cường với nội dung khá toàn diện và tích cực,

nhằm tạo khuôn khổ cho quan hệ đối tác lâu dài giữa ASEAN và Mỹ; đồng thời cũng thông qua Kế hoạch Hành động với nhiều biện pháp cụ thể để triển khai Tuyên bố. Hai bên cũng ký kết nhiều thoả thuận hợp tác quan trọng như Tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố quốc tế, Thoả thuận khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA)...

Mỹ cũng chủ động đề xuất Sáng kiến vì sự Năng động ASEAN (EAI) về kinh tế - thương mại và Kế hoạch Hợp tác ASEAN (ACP) về hợp tác phát triển. Hai bên cũng đang xây dựng Chương trình Hỗ trợ và Đào tạo Kỹ thuật ASEAN-Mỹ giai đoạn 2 (TATF) trị giá 20 triệu USD để hỗ trợ ASEAN xây dựng cộng đồng vào năm 2015; triển khai các hoạt động hợp tác trong Chương trình Viễn cảnh Phát triển ASEAN (ADVANCE) trị giá 150 triệu USD nhằm hỗ trợ các chương trình khu vực và song phương của ASEAN cũng như hỗ trợ nỗ lực liên kết kinh tế và xây dựng cộng đồng của ASEAN. Hai bên đang tiếp tục đàm phán hoàn tất Hiệp định Hợp tác Khoa học và Công nghệ ASEAN-Mỹ.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, Mỹ đã điều chỉnh 8 lĩnh vực ưu tiên hợp tác để phù hợp với các ưu tiên xây dựng Cộng đồng của ASEAN; các lĩnh vực ưu tiên gồm: chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia; xây dựng năng lực; kinh tế và tài chính; khoa học kỹ thật, quản lý thiên tai, môi trường và giáo dục.

Chính quyền mới của Tổng thống Obama có một số chuyển hướng tích cực trong chính sách đối ngoại, hướng trọng tâm đến khu vực Đông Á và với ASEAN; Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã thăm 4 nước châu Á, trong đó có In-đô-nê-xi-a và Ban thư ký ASEAN; tham gia Hiệp ước TAC và họp Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ-4 nước Mê công (CLTV) lần đầu tiên nhân dịp họp PMC/ARF-16 tháng 7/2009 tại Thái Lan. Mỹ cũng cam kết lập Phái đoàn Thường trực của Mỹ tại ASEAN cũng như xem xét khả năng họp Cấp cao kỷ niệm ASEAN-Mỹ và duy trì tập quán gặp gỡ giữa Tổng thống Mỹ và Lãnh đạo 7 nước Đông Nam Á là thành viên APEC bên lề Cấp cao APEC hàng năm.

2.7. Quan hệ ASEAN-Nga:

Quan hệ ASEAN-Nga chính thức được thiết lập vào tháng 7/1996 và đã hình thành các cơ chế đối thoại thường kỳ ở cấp quan chức và Bộ trưởng Ngoại giao. ASEAN và Nga đã ký Tuyên bố chung về Quan hệ Đối tác vì Hoà bình, An ninh, Thịnh vượng và Phát triển tại khu vực châu Á-TBD (tháng 6/2003) đặt khuôn khổ cho việc tăng cường hợp tác giữa hai bên trong các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế và chuyên ngành. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN-Nga lần thứ nhất (Malaysia, 12/2005), ASEAN và Nga đã ký Tuyên bố chung xác định phương hướng và các biện pháp thúc

đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai bên, đồng thời thông qua Chương trình Hành động triển khai Tuyên bố chung.

Quan hệ chính trị ASEAN-Nga phát triển khá thuận lợi. Nga đã chính thức tham gia Hiệp ước TAC (2004). Hai bên đã nhất trí sẽ họp Cấp cao ASEAN-Nga lần thứ 2 trong thời gian tới để thúc đẩy hơn nữa quan hệ đối thoại. Nga hiện đang vận động tham gia EAS. Tuy nhiên, hợp tác ASEAN-Nga về kinh tế-thương mại và hợp tác phát triển nhìn chung vẫn chưa như mong muốn của ASEAN. Nga đã đóng góp 1.750.000 USD vào Quỹ Đối tác tài chính ASEAN-Nga; hai bên đã ký Bản ghi nhớ thành lập Trung tâm ASEAN-Nga tại Học viện Quan hệ Quốc tế Mát-xcơ-va (MGIMO) vào tháng 7/2009 và đang đàm phán hoàn tất Hiệp định Hợp tác Văn hóa ASEAN-Nga nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực du lịch, giao lưu văn hóa, nghiên cứu…

2.8. Quan hệ ASEAN-Ấn Độ:

Ấn Độ trở thành Đối tác đối thoại đầy đủ của ASEAN từ tháng 12/1995. Hiện hai bên có các cơ chế hợp tác ở nhiều cấp khác nhau, kể cả họp Cấp cao hàng năm. Quan hệ đối thoại ASEAN-Ấn Độ hiện đang phát triển khá nhanh trên cả 3 lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hoá xã hội. Ấn Độ luôn bày tỏ coi trọng vai trò của ASEAN trong khu vực và tích cực thúc đẩy quan hệ với ASEAN.

Tại Cấp cao ASEAN-Ấn Độ (tháng 11/2004), hai bên đã ký "Tuyên bố ASEAN-Ấn Độ về Đối tác vì Hoà bình, Phát triển và Thịnh vượng" và thông qua Kế hoạch Hành động kèm theo**.** Hai bên cũng đã ký Tuyên bố chung về chống Khủng bố, Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế toàn diện nhằm tự do hóa hàng hóa, dịch vụ và đầu tư (RITA).

Về hợp tác kinh tế, ASEAN và Ấn Độ đã hoàn tất đàm phán về Hiệp định Thương mại Hàng hóa, dự kiến sẽ ký vào Cấp cao ASEAN-Ấn Độ (10/2009) và tích cực đàm phán hoàn tất các Hiệp định Thương mại Dịch vụ và Đầu tư. Ấn Độ cũng tích cực hỗ trợ các nước thành viên mới của ASEAN trong khuôn khổ Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI), nhất là về phát triển nguồn nhân lực. Hai bên đang xem xét thêm các lĩnh vực hợp tác khác để đẩy mạnh sự gắn kết. Tuy nhiên, hợp tác ASEAN-Ấn Độ nhìn chung phát triển còn chậm, chủ yếu do hạn chế về tiềm lực của hai bên.

2.9. Quan hệ ASEAN-Liên minh Châu Âu (EU):

Quan hệ ASEAN-EU được chính thức hóa vào năm 1977; đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị và hợp tác phát triển. Hai bên đã lập các cơ chế đối thoại và hợp tác ở nhiều cấp, kể cả họp Ngoại trưởng hàng

năm. Tháng 11/2007, hai bên đã họp Cấp cao kỷ niệm 30 năm quan hệ (lần đầu tiên họp Cấp cao). Quan hệ ASEAN-EU cũng được tăng cường bởi tiến trình hợp tác Á-Âu (ASEM).

Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia, và đã thông qua Tuyên bố chung ASEAN-EU về hợp tác chống khủng bố quốc tế (2003). Tuy nhiên, quan hệ chính trị ASEAN-EU cũng gặp nhiều trở ngại, thậm chí có giai đoạn đình trệ, chủ yếu do vấn đề Mianma.

Thời gian gần đây, trước những chuyển biến mới ở khu vực, EU ngày càng tỏ ra quan tâm hơn tới ASEAN, muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác với ASEAN. EU đã đề xuất Chiến lược Quan hệ Đối tác mới với Đông Nam Á, thúc đẩy triển khai nhiều sáng kiến, chương trình hợp tác như: Chương trình hỗ trợ Hội nhập ASEAN (APRIS), Sáng kiến thương mại liên khu vực (TREATI – trong lĩnh vực thương mại) và Cơ chế đối thoại khu vực ASEAN – EU (READI – về các lĩnh vực khác). Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN-EU lần thứ 16 (2007), hai bên đã thông qua Tuyên bố Nuremberg về Quan hệ Đối tác tăng cường, và Cấp cao Kỷ niệm ASEAN-EU đã thông qua Kế hoạch Hành động thực hiện Tuyên bố Nuremberg. Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN-EU lần thứ 17 (5/2009), các Bộ trưởng đã thông qua Chương trình Nghị sự Phnompênh về triển khai Kế hoạch hành động giai đoạn 2009-2010, với ưu tiên hỗ trợ ASEAN triển khai Hiến chương, xây dựng Cộng đồng và thu hẹp khoảng cách phát triển, đẩy mạnh hợp tác kinh tế-thương mại...; EU cũng đã chính thức đề nghị tham gia Hiệp ước TAC; và tỏ ý muốn tham gia Cấp cao Đông Á với hình thức thích hợp.

Về kinh tế-thương mại, EU là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của các nước ASEAN. Đàm phán Hiệp định Mậu dịch tự do ASEAN-EU (AEFTA) đã được khởi động từ tháng 5 năm 2007, nhưng hiện gặp nhiều khó khăn. Hai bên đang xem xét linh hoạt việc các nước ASEAN có điều kiện có thể tiến hành đồng thời đàm phán FTA song phương với EU.

Hợp tác về văn hóa-xã hội cũng được đẩy mạnh, đặc biệt trong lĩnh vực việc làm, chính sách xã hội và xã hội dân sự...

2.10. Quan hệ ASEAN-Liên Hợp quốc:

Quan hệ hợp tác giữa ASEAN và Liên Hợp quốc (LHQ) được thiết lập từ sớm, thông qua quan hệ đối tác và các chương trình trợ giúp kỹ thuật giữa ASEAN và Chương trình Hợp tác Phát triển LHQ (UNDP) từ năm 1977. UNDP là tổ chức duy nhất của LHQ hưởng quy chế Bên đối thoại đặc biệt của ASEAN. ASEAN và LHQ

đã tổ chức Hội nghị Cấp cao lần đầu tiên vào ngày 12/02/2000 tại Băng-cốc bên lề Khóa họp lần thứ 10 Hội nghị LHQ về Thương mại và Phát triển (UNCTAD). Năm 2005 tại New York, nhân dịp ĐHĐ/LHQ, hai bên cũng đã tổ chức Cấp cao lần 2.

Quan hệ ASEAN-LHQ hiện đang tiến triển thuận lợi. Tháng 11/2002, Đại hội đồng LHQ khóa 56 đã thông qua Nghị quyết khuyến khích ASEAN tăng cường tiếp xúc và đẩy mạnh hợp tác với LHQ trong những lĩnh vực phù hợp. Trên cơ sở đó, nhiều chương trình, thỏa thuận giữa ASEAN và các tổ chức LHQ đã được xây dựng, tạo khuôn khổ và định hướng cho các hoạt động hợp tác giữa hai bên. Các tổ chức của LHQ cũng hỗ trợ ASEAN thực hiện nhiều chương trình, hoạt động quan trọng, trong đó có Hội nghị Cấp cao ASEAN về HIV/AIDS (2001), các chương trình hành động khu vực phòng chống HIV/AIDS, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, chăm sóc y tế... LHQ cũng tham gia hỗ trợ ASEAN triển khai một số dự án trong Chương trình Hành động Viên-chăn và các Kế hoạch hành động xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Tháng 12/2006, Đại hội đồng LHQ thông qua Quy chế Quan sát viên cho ASEAN, theo đó ASEAN được tham gia các phiên họp của Đại hội đồng LHQ với tư cách Quan sát viên. Tháng 2/2007, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã nhất trí nâng cấp quan hệ ASEAN-LHQ lên mức đối thoại đầy đủ. Theo đó, bên lề ĐHĐ/LHQ ở New York (27/9/2007), hai bên đã ký Hiệp định khung hợp tác ASEAN-LHQ thiết lập quan hệ đối tác giữa ASEAN và LHQ về chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá-xã hội.

2.11. Quan hệ ASEAN-Pakistan:

Quan hệ chưa có nhiều thực chất vì Pakistan chưa phải là bên đối thoại đầy đủ của ASEAN như các đối tác khác, mới là bên đối thoại theo lĩnh vực (tức ở mức thấp hơn). Theo đó, hợp tác ASEAN-Pakistan có phạm vi hạn chế, chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế và văn hóa-xã hội. Cơ chế hợp tác cũng mới được hình thành ở cấp quan chức, chưa họp ở cấp Bộ trưởng hay Cấp cao.

Trong quan hệ ASEAN-Pakistan hiện nay có 11 lĩnh vực hợp tác, trong đó 8 lĩnh vực ưu tiên là thương mại, công nghiệp, đầu tư, khoa học công nghệ, ma túy và các chất gây nghiện, môi trường, du lịch và phát triển nguồn nhân lực.

Gần đây, Pakistan tích cực vận động nâng cấp quan hệ thành quan hệ đối thoại đầy đủ, tuy nhiên ASEAN chưa có quyết định cuối cùng.

2.12. Quan hệ ASEAN và các tổ chức khu vực:

Mở rộng quan hệ, tăng cường đối thoại, phát triển hợp tác với bên ngoài nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ cả về chính trị lẫn nguồn vốn cho các chương trình hợp tác

mới là một trong những ưu tiên hàng đầu của ASEAN. Các tổ chức, diễn đàn, tiến trình quốc tế tầm cỡ khu vực và thế giới, bởi vậy, là những đối tượng quan trọng để ASEAN thúc đẩy quan hệ.

- *ASEAN-MERCOSUR:*

Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN-MERCOSUR lần đầu tiên đã diễn ra ngày 24/11/2008 tại Braxilia, Braxin, đánh dấu mốc quan trọng hai bên chính thức lập quan hệ (trước năm 2008, ASEAN và MERCOSUR chưa có quan hệ chính thức; trao đổi thông tin chủ yếu thông qua Diễn đàn Đông Á-Mỹ Latinh FEALAC). Hội nghị đã tạo cơ sở và thúc đẩy tiến trình hợp tác giữa hai nhóm nước vì lợi ích chung của cả hai bên cũng như góp phần thúc đẩy hợp tác Nam-Nam. Các Bộ trưởng đã giao các quan chức hai bên xây dựng Kế hoạch Hành động triển khai các lĩnh vực hợp tác ưu tiên như kinh tế-thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông vận tải, du lịch, giao lưu nhân dân và các thách thức xuyên quốc gia.

- *ASEAN-GCC*:

Quan hệ ASEAN-GCC được bắt đầu năm 1990 và được triển khai thông qua 2 Ban Thư ký; năm 2000, ASEAN lập Uỷ ban ASEAN tại Riyadh; các Bộ trưởng hai bên cũng có cuộc gặp bên lề ĐHĐ/LHQ (troika) nhưng không thường xuyên. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN-GCC chính thức lần đầu tiên đã diễn ra ngày 29-30/6/2009 tại Manama, Ba-ranh; thông qua "Tầm nhìn chung ASEAN-GCC" xây dựng quan hệ đối tác mới, xác định các lĩnh vực hợp tác cùng quan tâm (thương mại, đầu tư, tài chính, năng lượng, an ninh lương thực, nông nghiệp, lao động, du lịch, giao lưu nhân dân và lãnh sự), cơ chế hợp tác và biện pháp triển khai. Ban Thư ký hai bên đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) về hợp tác giữa hai Ban Thư ký.

- *ASEAN-các tổ chức khu vực khác:*

ASEAN đã có quan hệ tham vấn với các tổ chức khu vực như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Tổ chức Hợp tác Nam Á (SAARC), Nhóm RIO và ANDEAN… thông qua các Ban Thư ký. Ngoài ra, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN có cuộc gặp với Ngoại trưởng các Nhóm trên (không thường xuyên) nhân dịp ĐHĐ-LHQ hàng năm tại New York.

- ASEAN-SAARC: Quan hệ được thiết lập năm 1992. Đến nay hai bên đã có 8 cuộc họp giữa các Bộ trưởng Ngoại giao bên lề ĐHĐ/LHQ tại New York. Hai bên đã thông qua Quy tắc về quan hệ đối tác giữa BTK ASEAN và SAARC; xây dựng Kế hoạch công tác giai đoạn 2008-2009 về đối tác Ban Thư ký ASEAN và GCC, gồm

các lĩnh vực Thương mại đầu tư, Năng lượng, Y tế (HIV/AIDS), Du lịch, Nông nghiệp, Ma tuý và Tội phạm xuyên quốc gia, Xóa đói giảm nghèo.

- ASEAN-SCO: Ngày 21/4/2005, tại Jakarta, hai bên đã ký Bản ghi nhớ (MOU) giữa BTK ASEAN và BTK SCO, trong đó nêu các lĩnh vực ưu tiên hợp tác là Tội phạm xuyên quốc gia (chống khủng bố, quản lý ma tuý và chất gây nghiện, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, buôn người), và các lĩnh vực hợp tác khác như: hợp tác kinh tế tài chính, du lịch, môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển xã hội, hợp tác năng lượng, nhất là năng lượng thủy điện và năng lượng sinh học.

- Ngoài ra, ASEAN còn có quan hệ với Liên minh Ả rập (Arab League), Cộng đồng phát triển Nam Phi (SADC).

2.13. Sáng kiến Hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng (Một trục hai cánh)

Trung Quốc nêu ý tưởng về chiến lược HTKT Trung Quốc - ASEAN, gọi tắt là "Một trục hai cánh" tại Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng lần I tháng 7/2006. Hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng là trọng tâm của sáng kiến "Một trục hai cánh", được Quảng Tây thúc đẩy mạnh trong 3 năm qua. Đây cũng là vấn đề liên quan trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ của ta ở Biển Đông.

Về cơ bản, khu vực hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng có thể chia thành ba vành đai kinh tế: (i) Vành đai kinh tế ven Vịnh Bắc Bộ bao gồm các khu vực ven biển của Quảng Tây, Hải Nam, Quảng Đông của Trung Quốc và các tỉnh ven Vịnh Bắc Bộ của Việt Nam; (ii) Vành đai kinh tế gần kề là vành đai kinh tế kéo dài của khu vực trung tâm bao gồm Khu kinh tế Hoa Nam Trung Quốc và toàn bộ Việt Nam; và (iii) Vành đai mở rộng hay là vành đai kinh tế lớn gồm phần lớn các tỉnh ở miền Nam Trung Quốc và phần lớn các nước ASEAN.

Các lĩnh vực hợp tác chủ yếu bao gồm: du lịch, cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải, lưu thông hàng hóa, mậu dịch, nông-ngư nghiệp, năng lượng và kinh tế biển, tài chính, môi trường… Hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng được thúc đẩy trên các nguyên tắc: 1) Cùng có lợi, tự nguyện và phù hợp với khả năng thích ứng của các bên; 2) Thiết thực, tiệm tiến, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao; 3) Mở và minh bạch, thu hút rộng rãi các đối tác ngoài khu vực cùng tham gia.

Diễn đàn HTKT/VBB mở rộng lần thứ II tổ chức tại Nam Ninh tháng 7/2007. Cuộc họp lần thứ nhất của Diễn đàn trên được tỉnh Vân Nam tổ chức tại Côn Minh tháng 6/2008. Diễn đàn HTKT/VBB mở rộng lần III tổ chức tại Bắc Hải, Quảng Tây tháng 7/2008. Diễn đàn lần IV được tổ chức tại Nam Ninh, Quảng Tây ngày 6/8/2009.

Trung Quốc đã chủ trì tổ chức 2 phiên họp Nhóm chuyên gia hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng (tháng 7/2008 và tháng 10/2008), thông qua kế hoạch làm việc của Nhóm chuyên gia. Dự thảo Báo cáo khả thi về hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng đang được các nước cho ý kiến trước khi trình Cấp cao ASEAN–Trung Quốc cuối năm 2009.

V. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TRÊN CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN

1. Về hợp tác chính trị-an ninh

Ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Trong 16 năm tham gia ASEAN, ta đã tham gia đầy đủ và sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN, từ chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội và quan hệ đối ngoại của Hiệp hội và có những đóng góp quan trọng cho sự trưởng thành và lớn mạnh của ASEAN, từ xác định các mục tiêu và quyết sách lớn đến việc tăng cường đoàn kết và liên kết ASEAN, đẩy mạnh quan hệ đối ngoại và nâng cao vai trò và vị thế của Hiệp hội.

Thông qua đó, ta đã thu được những kết quả to lớn và thiết thực; hỗ trợ đắc lực cho an ninh, phát triển và nâng cao vị thế quốc tế của nước ta, tạo hình ảnh một nước Việt Nam đang đổi mới, phát triển năng động, một thành viên tích cực, chủ động và có trách nhiệm đồng thời là một đối tác tin cậy trong ASEAN và trong cộng đồng quốc tế.

Thực tiễn và kết quả tham gia ASEAN 16 năm qua khẳng định chủ trương gia nhập ASEAN là một quyết sách đúng đắn, kịp thời, có ý nghĩa lịch sử và chiến lược quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Việc tham gia ASEAN là phù hợp với những xu thế lớn của thế giới trong giai đoạn hiện nay cũng như đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn mới.

Kết quả lớn nhất là đã góp phần quan trọng triển khai tốt chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa đa phương hóa, hội nhập khu vực và quốc tế của Đảng và Nhà nước ta; giúp tạo dựng và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực, hỗ trợ đắc lực cho an ninh và phát triển cũng như nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của nước ta.

Về chính trị-an ninh, nhìn tổng thể, ta đã góp phần tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á, nhất là qua việc thúc đẩy hình thành ASEAN-10; xây dựng được mối quan hệ mới về chất giữa các nước Đông

Nam Á theo chiều hướng hữu nghị, ổn định, lâu dài và hợp tác toàn diện ngày càng chặt chẽ cả về đa phương và song phương cũng như trong quan hệ giữa các Chính phủ, Quốc hội, Đảng cầm quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân.

Ta đã trực tiếp tham gia và đóng góp quan trọng trong việc xác định phương hướng phát triển và các quyết sách lớn của ASEAN cũng như giữ vững các nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, phù hợp với yêu cầu và lợi ích của ta; xác lập được vai trò quan trọng và có uy tín của Việt Nam trong hợp tác ASEAN, góp phần duy trì vai trò chủ đạo của ASEAN đối với hòa bình và phát triển ở Đông Nam Á, hạn chế sự can thiệp và chi phối của các nước bên ngoài. Ta cũng có điều kiện xác định lập trường phù hợp của ta và phối hợp lập trường với các nước ASEAN trong việc xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế phức tạp. Việc thống nhất lập trường chung trong ASEAN, tuy còn có mức độ, nhưng cũng hỗ trợ đáng kể cho ta trong việc xử lý các vấn đề phức tạp, nhất là trong việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích của ta ở Biển Đông, Mê-công...

Về cụ thể, năm 1995, Việt Nam tham gia ASEAN, mở đường cho các nước khác ở khu vực là Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma gia nhập trong các năm tiếp theo. Sự kiện này khởi đầu cho một ASEAN mới gồm đủ các quốc gia Đông Nám Á bước sang một thời kỳ mới của quan hệ hữu nghị, hợp tác, cùng phát triển.

Chỉ 3 năm sau khi gia nhập ASEAN và trong bối cảnh khủng hoảng tài chính-tiền tệ của khu vực, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội (12/1998). Sự kiện này không chỉ đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Việt Nam mà còn là đóng góp thực chất của một thành viên mới cho sự ổn định của toàn Hiệp hội. Những quyết định của Cấp cao ASEAN 6 đã mở đường cho ASEAN vượt qua khủng hoảng tài chính, tăng cường hợp tác nội khối và đưa ra những đường lối mới cho hội nhập khu vực. Chương trình Hành động Hà Nội thông qua tại Cấp cao ASEAN 6 đã góp phần quan trọng tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh hợp tác, khôi phục hình ảnh ASEAN, đặc biệt định hướng cho sự phát triển và hợp tác của Hiệp hội trong những năm tiếp theo để thực hiện Tầm nhìn 2020.

Là Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (ASC) trong năm đầu của thế kỷ 21, Việt Nam đã phấn đấu hoàn thành trọng trách của mình. Thành công của các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao 34 (AMM 34) và các Hội nghị liên quan, ASEAN đã chuyển hẳn sang một bước phát triển mới đẩy nhanh hơn tiến trình thực hiện các chương trình kế hoạch được thông qua trong những năm trước.

Trong bối cảnh ASEAN hướng tới xây dựng cộng đồng, Việt Nam đóng vai trò tích cực cùng các nước ASEAN xây dựng và thông qua Tuyên bố hòa hợp

ASEAN II tại Bali, In-đô-nê-xia (10/2003), đề ra những định hướng chính lược cho sự phát triển của ASEAN, hướng tới xây dựng Cộng đồng ASEAN năm 2020 (sau này ASEAN quyết định rút ngắn quá trình này vào năm 2015) với ba trụ cột chính là Cộng đồng an ninh ASEAN, Công đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng văn hóa – xã hội.

Bước sang giai đoạn mới xây dựng Hiến chương ASEAN nhằm tạo khung pháp lý và khuôn khổ thể chế hỗ trợ ASEAN thực hiện mục tiêu xây dựng cộng đồng, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia ngay từ đầu vào quá trình hình thành ý tưởng, sau đó là soạn thảo, ký kết, phê chuẩn cũng như triển khai Hiến chương. Sau khi Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng cùng các nhà Lãnh đạo ASEAN ký thông qua Hiến chương (11/2007), Việt Nam là một trong những nước sớm phê chuẩn Hiến chương (6/3/2008) và tích cực tham gia vào các hoạt động chung của ASEAN triển khai đưa Hiến chương vào cuộc sống; đồng thời đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng cũng như triển khai Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN gồm các Kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN và Kế hoạch công tác về Sáng kiến liên kết ASEAN giai đoạn 2 (2009-2015), được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN 14 (9/2009).

Bên cạnh việc tăng cường thúc đẩy hợp tác và liên kết nội khối, Việt Nam cũng tích cực tham gia thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN với các nước đối tác bên ngoài trên nhiều lĩnh vực khác nhau, góp phần đề cao và giữ vai trò chủ đạo của ASEAN tại các tiến trình hợp tác khu vực. Với tư cách là nước điều phối quan hệ đối thoại giữa ASEAN với nhiều đối tác quan trọng như Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Mỹ, Ôt-xtr ây-lia và Canada (hiện nay là EU), Việt Nam đã phát huy vai trò là cầu nối tích cực tăng cường quan hệ giữa ASEAN và các đối tác này. Đồng thời, Việt Nam cũng đóng góp tích cực giữ vững vai trò chủ đạo của ASEAN tại các tiến trình hợp tác khu vực do ASEAN khởi xướng như ASEAN+1, ASEAN+3, EAS, Cấp cao Đông Á.. qua đó, góp phần nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Hiệp hội.

Năm 2010, với trọng trách là Chủ tịch luân phiên ASEAN năm 2010, dưới chủ đề Hướng tới Cộng đồng ASEAN: từ Tầm nhìn đến Hành động và với phương châm ‘tích cực, chủ động, và có trách nhiệm, Việt Nam đã hoàn thành tốt cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2010, đạt được tối đa những mục tiêu đã đề ra, tạo ra sự chuyển biến thực chất và cụ thể hoá một bước quan trọng mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015; đạt nhiều tiến triển cụ thể trong việc triển khai Hiến chương ASEAN và Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN trên cả ba trụ cột chính trị-an ninh, kinh tế

và văn hóa-xã hội cũng như các kế hoạch quan trọng khác, nhất là về Kết nối ASEAN.

Đồng thời, quan hệ đối ngoại và vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực được tăng cường và nâng cao, thể hiện rõ qua những tiến triển mới và có ý nghĩa của các khuôn khổ hợp tác khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo như ASEAN+1, ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). Nhiều quyết định quan trọng góp phần định hình nên một cấu trúc khu vực năng động đã được hiện thực hóa tại Việt Nam như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng với các đối tác (ADMM+) và mời Mỹ và Nga tham gia Cấp cao Đông Á.

Kết quả năm Chủ tịch ASEAN 2010 nói riêng và quá trình 19 năm tham gia ASEAN nói chung một lần nữa khẳng định tầm quan trọng chiến lược và lợi ích lâu dài của Việt Nam khi tham gia ASEAN. Những nỗ lực to lớn và đóng góp quan trọng của Việt Nam cho ASEAN thêm một lần nữa khẳng định chính sách nhất quán của chúng ta coi trọng ASEAN cả về hợp tác đa phương và quan hệ song phương, luôn nỗ lực hết mình vì một ASEAN vững mạnh, đoàn kết và liên kết ngày càng chặt chẽ hơn.

Nhìn chung lại, trong suốt chặng đường 19 năm kể từ khi trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN và đặc biệt, trên cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2010, Việt Nam đã và đang nỗ lực hết sức mình, chung tay, góp sức cùng các nước ASEAN hướng tới xây dựng thành công một Cộng đồng ASEAN vững mạnh, gắn kết và phát triển vào năm 2015 vì hòa bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng ở ở Đông Nam Á cũng như Châu Á thái bình dương.

2. Về hợp tác kinh tế

Sau 19 năm tham gia ASEAN, quan hệ kinh tế-thương mại của Việt Nam-ASEAN đã có sự phát triển vượt bậc, cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Về thương mại, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với ASEAN hiện đạt 22 tỷ USD/năm, chiếm khoảng 1/5 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và gấp gần 2 lần tổng giá trị thương mại của Việt Nam với bên ngoài ở thời điểm trước năm 1995. Tốc độ tăng trưởng thương mại của Việt Nam với ASEAN đạt trung bình 15-16%/ năm trong suốt 15 năm qua. Nhiều mặt hàng tiêu dùng và công nghiệp thuộc thế mạnh của Việt Nam đã trở nên quen thuộc tại nhiều nước ASEAN. Về đầu tư, ASEAN liên tục nằm trong số các nhà đầu tư lớn nước ngoài tại Việt Nam. Tính đến hết năm 6/2010, Việt Nam đã cấp giấy phép đầu tư cho 1449 dự án của các nước ASEAN với vốn đăng ký xấp xỉ 44 nghìn tỷ USD, trong đó, vốn thực hiện đạt trên 12 nghìn tỷ USD. Đầu tư của Việt Nam sang các

nước ASEAN, tuy còn khiêm tốn, song đang có chiều hướng gia tăng trong những năm tới, đặc biệt tại các thị trường Lào, Campuchia và Myanmar.

Mặc dù là một nước thành viên mới, tham gia sau với trình độ phát triển kinh tế còn chênh lệch lớn so với các nước bạn trong Hiệp hội, song với quyết tâm và ý thức trách nhiệm cao, Việt Nam đã tham gia tích cực vào hầu hết các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, dịch vụ, tài chính-tiền tệ, nông-lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện viễn thông, năng lượng, du lịch, hải quan v.v…

Trong khuôn khổ CEPT/AFTA, đến 1/1/2010, Việt Nam đã giảm thuế nhập khẩu cho hơn 10 nghìn dòng thuế xuống mức 0-5%, chiếm 97,8% số dòng thuế trong biểu thuế, đó có 5488 dòng thuế ở mức thuế suất 0%. Trong điều kiện sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa Việt Nam với hầu hết các nước thành viên ASEAN còn lớn như hiện nay, những nỗ lực thực hiện các cam kết trong AFTA của Việt Nam như vậy được các bạn rất hoan nghênh. Song song với chương trình cắt giảm thuế quan, Việt Nam còn phối hợp với các nước ASEAN triển khai các chương trình công tác nhằm xác định, phân loại và tiến tới dỡ bỏ các hàng rào phí thuế quan. Việt Nam cũng đã cùng các nước ASEAN hoàn tất 8 Gói cam kết dịch vụ. Các cam kết hiện nay được tiến hành chủ yếu trong 7 ngành ưu tiên là: tài chính, viễn thông, vận tải hàng hải, hàng không, du lịch, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ xây dựng.

Các sáng kiến của Việt Nam trong nỗ lực hợp tác kinh tế ASEAN:

a. Sáng kiến Liên kết ASEAN (2000):

Việt Nam là nước chủ trì thực hiện Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) được các nhà Lãnh đạo ASEAN thông qua năm 2000 với mục tiêu thúc đẩy liên kết kinh tế ASEAN thông qua việc các nước ASEAN-6 hỗ trợ các nước CLMV hội nhập khu vực và thu hẹp khoảng cách phát triển. Đến nay, giai đoạn một của Sáng kiến IAI (2002-2008) đã hoàn tất với 134 dự án/chương trình được thực hiện, thu hút 191 triệu đôla Mỹ từ ASEAN-6 và 20 triệu đôla Mỹ từ các nước đối thoại, tổ chức phát triển và các đối tác khác. Các dự án/chương trình tập trung vào 04 lĩnh vực ưu tiên là phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ hội nhập khu vực, công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng. Hiện nay, các bên đang thực hiện Khuôn khổ Chiến lược (KKCL) và Kế hoạch Công tác (KHCT) IAI giai đoạn II (2009-2015).

b. Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (2010):

Việt Nam là nước chủ trì xây dựng Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (KHTT). Bản KHTT được các Nhà Lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị Cấp cao

ASEAN lần thứ 17 (Hà Nội, tháng 10/2010). KHTT được xây dựng trên cơ sở hài hòa hóa các chiến lược/kế hoạch phát triển từng ngành liên quan và trên nền tảng là các liên kết tiểu vùng, đặc biệt là tiểu vùng Mê-Công. Bản KHTT cũng được xây dựng theo hướng mở, kết nối ASEAN với các đối tác trong khu vực trên cơ sở đảm bảo một ASEAN là trung tâm của các mối liên kết trong tương lai tại Đông Á.

c. Tuyên bố của các Nhà Lãnh đạo ASEAN về Phục hồi và Phát triển Bền vững (2010):

Về hướng liên kết kinh tế ASEAN trong tương lai, Việt Nam đã chủ trì đề xuất HNCC ASEAN 16 (Hà Nội, tháng 4/2010) ra Tuyên bố của các Nhà Lãnh đạo ASEAN về Phục hồi và Phát triển Bền vững. Theo đó, liên kết kinh tế ASEAN sẽ chú trọng hơn tới tính bền vững với các chính sách tăng trưởng kinh tế ổn định và dài hạn, đảm bảo tính cân bằng về cơ hội và quyền lợi cho các quốc gia và các thành phần kinh tế; thúc đẩy hợp tác giáo dục và đào tạo; nâng cao vai trò của khu vực tư nhân; đảm bảo an sinh xã hội; và gắn tăng trưởng với vấn đề môi trường.

3. Về hợp tác văn hoá-xã hội

3.1. Hợp tác lao động, phụ nữ, phúc lợi và phát triển xã hội

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì Hội đồng Cộng đồng Văn hoá xã hội. Về các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hiện đang là đầu mối quốc gia của Việt Nam tại ba diễn đàn lớn của ASEAN: Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN (ALMM); Hội nghị Bộ trưởng ASEAN phụ trách phúc lợi xã hội và phát triển (AMMSWD) và Đầu mối quốc gia của Uỷ ban phụ nữ ASEAN (ACW).

a) Trong lĩnh vực lao động và việc làm:

- Hợp tác trong ASEAN: Việt Nam đã đăng cai thành công Hội nghị Bộ trưởng Lao động lần thứ 21 vào tháng 5/2010 và đã đưa ra và thực hiện được ba sáng kiến bao gồm: dự án nghiên cứu so sánh luật lao động giữa các nước ASEAN, Diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về thanh tra lao động trong ASEAN; tổ chức Hội nghị nguồn nhân lực ASEAN; tổ chức Hội nghị khu vực lần thứ 5 về Quan hệ lao động trong ASEAN với chủ đề "Đối thoại lao động và sửa đổi Luật lao động về khuôn khổ pháp lý và quy tắc liên quan tới quan hệ việc làm" (2013); và Hội thảo về An sinh xã hội và chế độ thai sản cho lao động nữ (2013).

Về đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài và bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động di cư: Đây được coi là một trong những hoạt động quan trọng song cũng phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến quản lý lao động nước ngoài tại các nước.

Việt Nam đã tham gia tích cực hoạt động của Nhóm soạn thảo Văn kiện thực hiện Tuyên bố của các nhà Lãnh đạo ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư (ACMW-DT), hướng tới sớm hoàn thành vào năm 2014.

Về phát triển nguồn nhân lực: Thông qua các hoạt động hợp tác với ASEAN trong phát triển nguồn nhân lực, bước đầu Việt Nam đã hình thành và luật hoá việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động trong Luật dạy nghề. Nhằm hướng tới việc công nhận kỹ năng và chứng chỉ nghề lẫn nhau trong khu vực ASEAN, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã và đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án Khung trình độ quốc gia.

Năm 2014, Việt Nam sẽ đăng cai tổ chức Hội thi tay nghề ASEAN lần thứ 10 (10/2014).Việc tổ chức sự kiện trên có tác dụng mạnh mẽ không chỉ với công tác đào tạo nghề mà còn có lợi ích to lớn để nâng cao năng suất lao động cho Việt Nam và góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Hợp tác trong ASEAN với các đối tác: Các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực lao động - việc làm trong khuôn khổ này được triển khai trong các vấn đề phát triển nhân lực; an toàn vệ sinh lao động, lao động di cư, phát triển tay nghề; bảo hiểm xã hội, thống kê lao động và nghiên cứu về tác động của quá trình hội nhập ASEAN đối với thị trường lao động.

Hợp tác ASEAN với các đối tác tập trung vào các nội dung cụ thể:

+ Với Nhật Bản: An toàn vệ sinh lao động; Khuyến trợ quan hệ lao động lành mạnh; Tăng cường phát triển nguồn nhân lực.

+ Với Hàn Quốc: Đào tạo cán bộ trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực;

+ Với Trung Quốc: An sinh xã hội; Phát triển nhân lực; Lao động di cư;

b) Trong lĩnh vực phúc lợi và phát triển xã hội:

Năm 2007, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phúc lợi xã hội và phát triển tại Hà Nội. Bên cạnh đó, ta đã tích cực tham gia các chương trình/dự án/hoạt động hợp tác nội khối trong các lĩnh vực như: Thành lập Nhóm Các nhà sư phạm, thực hành công tác xã hội ASEAN; Chiến lược cộng đồng về Phòng chống bạo lực gia đình; Sản xuất thiết bị chỉnh hình và phục hồi chức năng tại các nước CLMV; và tăng cường năng lực cho các quan chức chính phủ phụ trách vấn đề người khuyết tật.

Trong các Hội nghị thường niên của ASEAN, Việt Nam luôn tham gia và đóng góp tích cực được các nước đánh giá cao. Đặc biệt, tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN phụ trách Phúc lợi xã hội và Phát triển (AMMSWD) lần thứ 8 (9/2013), Việt

Nam đã đi đầu trong việc xây dựng gồm Tuyên bố ASEAN về Tăng cường An sinh xã hội và Tuyên bố về phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em trong ASEAN đã được thông qua nhằm trình lên các nhà Lãnh đạo Cấp cao ASEAN tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 23.

- Hợp tác ASEAN+: Hợp tác ASEAN+ trong lĩnh vực phúc lợi xã hội được triển khai qua hai hoạt động chính: Hội nghị cấp cao ASEAN-Nhật Bản lần thứ 6,7,8 về Xã hội Đùm bọc với sự tham dự của các đại diện của các Bộ phụ trách lao động và y tế thảo luận các vấn đề chính sách chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ sơ sinh, trẻ em đường phố, trẻ em bị buôn bán và lao động trẻ em; và Chương trình ASEAN – Hàn Quốc về Công tác chăm sóc tại nhà cho người cao tuổi.

c) Uỷ ban Phụ nữ ASEAN:

Năm 1997, tuy là nước thành viên mới, nhưng Việt Nam đã tham gia ngay vào dự án hợp tác chuyên ngành ASEAN về "Mạng lưới đào tạo kỹ năng cho phụ nữ ASEAN". Thông qua dự án, ta đã thiết lập được mạng lưới về đào tạo kỹ năng cho phụ nữ Việt Nam, góp phần đáng kể trong việc tăng cường cơ hội việc làm cho chị em. Ngoài ra, chúng ta còn tích cực và chủ động phối hợp với Ban Thư ký ASEAN và các đầu mối quốc gia khác về tiến độ hoạt động của các chương trình, dự án, nộp các báo cáo, đóng góp cho các văn bản nhiều ý kiến chất lượng và đúng thời hạn.

Từ năm 2007, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội được giao trách nhiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới, Vụ Bình đẳng giới được thành lập trực thuộc Bộ và UBQG vì sự tiến bộ phụ nữ được kiện toàn (Bộ trưởng Bộ LĐTBXH cũng đồng thời là Chủ tịch UBQG). Có thể nói, năm 2008 là năm nổi bật của Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác này. Việt Nam đăng cai thành công Khóa họp thường niên lần thứ 7 của ACW và nhận chức Chủ tịch ACW giai đoạn 2008 – 2009. Trước khi diễn ra Khóa họp, ta cũng tổ chức Hội thảo khu vực ASEAN về pháp luật phòng chống bạo lực gia đình với nhiều nội dung phong phú, thiết thực, thể hiện cam kết và quyết tâm mạnh mẽ thúc đẩy thực hiện Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực với phụ nữ được các nhà lãnh đạo ASEAN thông qua vào năm 2004….

Năm 2010, Uỷ ban thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em được thành lập tại Việt Nam.

Trong năm 2013, Việt Nam đã chủ động và tích cực trong việc triển khai và thực hiện các Dự án trong khuôn khổ Kế hoạch công tác của Ủy ban ACW giai đoạn 2011-2015; xuất bản Ấn phẩm về các Điển hình tốt trong công tác chăm sóc và bảo vệ thai sản tại các nước thành viên ASEAN. Đồng thời, phối hợp xây dựng dự án Mạng

lưới doanh nhân nữ ASEAN, dự án được các nước ASEAN thông qua và đã được cơ chế READI Facility của Liên minh Châu Âu khẳng định hỗ trợ cho Lễ ra mắt của Mạng lưới tại Việt Nam, dự kiến vào khoảng tháng 4 năm 2014.

d) Ủy ban Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC)

Việt Nam đã tham gia tích cực trong các hoạt động cấp khu vực của Ủy ban ACWC. Cùng với các hoạt động ở cấp khu vực, các hoạt động của ACWC ở quốc gia cũng được thực hiện nhằm tăng cường đối thoại và tham vấn các bên liên quan, đẩy mạnh quảng bá về ACWC và củng cố mạng lưới ACW. Cụ thể, Việt Nam đã phối hợp với Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp quốc, Cao uỷ Liên Hợp quốc về Người tị nạn tổ chức các cuộc tham vấn trong nước; tập trung chia sẻ các thông tin của hoạt động ACWC ở cấp khu vực, các kinh nghiệm trong việc thực hiện và thúc đẩy các quyền con người; tham gia đóng góp vào việc xây dựng kế hoạch của ACWC trong ASEAN cũng như thiết lập mạng lưới, xây dựng kết nối giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nhà tài trợ trong lĩnh vực bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em thông qua Hội thảo về "Thúc đẩy Quyền có quốc tịch cho phụ nữ và trẻ em trong việc thực hiện Công ước CRC và CEDAW trong ASEAN: Quan hệ đối tác tiềm năng ACWC – UNHCR" và Hội thảo về "Thúc đẩy Quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN thông qua việc thực hiện hiệu quả các vấn đề chung trong các Kết luận khuyến nghị của Ủy ban CRC và CEDAW tập trung vào các vấn đề của trẻ em gái"; Hội thảo tham vấn nâng cao năng cho mạng lưới ACWC Việt Nam khu vực phía Bắc được tổ chức vào ngày 17-18/6/2013 tại Quảng Ninh và Hội thảo tham vấn và mở rộng Mạng lưới ACWC khu vực phía Nam.

e) Chủ trì Hội đồng Cộng đồng Văn hoá Xã hội:

Với vai trò là Cơ quan điều phối Hội đồng Điều hành Cộng đồng Văn hoá Xã hội tại Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dự kiến xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình hành động trong tuyên bố chung của ba diễn đàn của ASEAN mà Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đang là cơ quan đầu mối. Trong năm 2010, Bộ đã đăng cai thành công Hội nghị Cộng đồng Văn hoá xã hội lần 3 (tháng 4/2010) và dự kiến tổ chức Hội nghị Cộng đồng Văn hoá Xã hội lần 4 vào tháng 8/2010. Nhìn chung, các hoạt động trong khuôn khổ Cộng đồng Văn hoá Xã hội, đặc biệt là việc thực hiện Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Văn hoá Xã hội đã có những bước tiến nhất định và tại Hội nghị Cộng đồng Văn hoá Xã hội lần 4, Bộ là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong Cộng đồng đưa ra hai tuyên bố cấp cao, đó là: Tuyên bố về Phúc lợi và Phát triển cho phụ nữ và trẻ em ASEAN và

Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao ASEAN về Phát triển nguồn nhân lực và kỹ năng nghề cho phục hồi kinh tế và phát triển.

Bộ đã tích cực chuẩn bị cho công tác tổ chức Hội đồng Cộng đồng Văn hoá Xã hội lần 4 diễn ra vào tháng 8/2010 tại Đà Nẵng, đặc biệt là thông qua hai Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao, góp phần vào quá trình thúc đẩy và xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Trong năm 2012 và 2013, Bộ Lao động phối hợp với các Bộ ngành khác đã tiến hành và hoàn thành Báo cáo Đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Kế hoạch Tổng thể của Cộng đồng Văn hóa – Xã hội (VHXH) ASEAN tại Việt Nam gửi lên Ban thư ký ASEAN tổng hợp.Đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa Xã hội tại Việt Nam đã được sự tham gia tích cực của Bộ, ngành thuộc Cộng đồng Văn hóa Xã hội thông qua các cuộc họp định hướng đánh giá, các cuộc họp tham vấn với cơ quan chủ trì Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN tại Việt Nam và 12 cơ quan tham gia Cộng đồng cũng như báo cáo tự đánh giá của các Bộ, ngành.

3.2. Hợp tác giáo dục-đào tạo:

a) Đẩy mạnh quan hệ và tham gia tích cực các hoạt động Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục ASEAN (ASED) và các hoạt động do Ban thư ký SEAMEO phát động:

- Hợp tác trong khuôn khổ ASEAN về giáo dục và đào tạo chủ yếu thông qua thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục ASEAN (ASED) được tổ chức hàng năm đồng thời với Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEC) và một số hoạt động do Ban Thư ký SEAMEO đề xuất.

- Ngay từ những năm đầu của thập kỷ 90, được phép của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tích cực triển khai kế hoạch gia nhập Tổ chức Các Bộ trưởng Giáo dục Đông Nam Á (SEAMEO). Ngày 10/02/1992, tại phiên họp lần thứ 27 của Hội đồng các Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á tổ chức tại Bru-nây, Bộ Giáo dục và Đào tạo CHXHCN Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức này.

- Với trách nhiệm là một trong những thành viên trong Ủy ban Giáo dục của ASEAN, ngay từ những ngày đầu mới gia nhập, Bộ GD&ĐT Việt Nam đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị thường niên lần thứ sáu của Ủy ban giáo dục và Việt Nam đã đưa ra sáng kiến về bồi dưỡng các học sinh năng khiếu, góp phần cung cấp nhân tài cho các nước thành viên. Trên cơ sở đó đã hình thành cuộc thi Opympic

ASEAN Toán và các môn Khoa học ở bậc tiểu thường niên hàng năm ở các cấp học giữa các nước ASEAN.

- Đặc biệt, năm 2005, được sự phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á lần thứ 40 (SEAMEC 40), để lại ấn tượng tốt đẹp cho các nước thành viên ASEAN.

- Bên cạnh tham gia và thể hiện vai trò tích cực trong hoạt động của ASED, Việt Nam cũng chủ động tham gia các dự án do Ban Thư ký SEAMEO phát động, cụ thể như: (1) Dự án Chất lượng và Công bằng trong Giáo dục bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2003; (2) Dự án Thúc đẩy Giáo dục Vệ sinh và Nước dựa trên Giá trị trong các trường học ở Đông Nam Á do SEAMEO và UN HABITAT phối hợp thực hiện. (3) Dự án "Sử dụng tiếng mẹ đẻ làm ngôn ngữ giảng dạy tại các nước Đông Nam Á: Chính sách, Chiến lược và Đường lối thực hiện" do Ban thư ký SEAMEO và Ngân hàng Thế giới phối hợp chủ trì thực hiện, bắt đầu triển khai từ năm 2007.

- Các hoạt động hợp tác với SEAMEO đã đem lại lợi ích thiết thực không chỉ cho giáo dục, đào tạo mà còn cho các ngành khác như nông nghiệp, văn hoá và y tế. Chỉ tính từ 1992 đến hết năm 2009, SEAMEO đã dùng quĩ hỗ trợ đặc biệt để tài trợ cho trên 2000 cán bộ Việt Nam tham gia các hội nghị, hội thảo, các khoá đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các Trung tâm khu vực. Đối tượng chủ yếu là cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, giáo viên phổ thông, cán bộ giảng dạy trong các trường đại học thuộc các ngành Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá & Thông tin, Nông-Lâm nghiệp,... Trong số này có 28 người được đào tạo thành Tiến sỹ và 50 người thành Thạc sỹ (thuộc chuyên ngành Nông nghiệp và Y tế). Ngoài ra, SEAMEO và các Trung tâm thuộc SEAMEO đã giúp Việt Nam tổ chức nhiều hội nghị khoa học và khoá đào tạo ngắn hạn tại Việt Nam (dành riêng cho Việt Nam và các nước Đông Dương).

- Về phía mình, Bộ GD&ĐT Việt Nam đang nỗ lực để thể hiện tích cực hơn vai trò của mình trong các hoạt động của SEAMEO. Tháng 10 năm 1996, Trung tâm Đào tạo Khu vực của SEAMEO tại Việt Nam (SEAMEO Regional Training Centre- viết tắt là SEAMEO RETRAC) đã ra đời tại thành phố Hồ Chí Minh và chính thức đi vào hoạt động với nhiệm vụ trước mắt của Trung tâm là tổ chức các khoá đào tạo về quản lý giáo dục, ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, ... cho các nước Đông Dương và các nước trong khu vực. Tại Hội nghị lần thứ 34 Hội đồng Bộ trưởng giáo dục Đông Nam Á (7-9/2/1999) đã quyết định cho phép Trung tâm Đào tạo khu

vực của SEAMEO tại Việt nam lấy lĩnh vực quản lý giáo dục là nội dung chính cho các hoạt động chuyên môn của Trung tâm.

b) Đẩy mạnh hợp tác, trao đổi học thuật, giảng viên, sinh viên và khai thác các chương trình học bổng trong ASEAN:

- Trong 15 năm qua, Bộ GD&ĐT đã đón tiếp hàng trăm đoàn đại biểu của các Chính phủ, Bộ Giáo dục và các Đại học, các tổ chức giáo dục ASEAN tới thăm và làm việc. Thông qua các buổi tọa đàm, các chuyến công tác đó, Bộ GD&ĐT đã triển khai hàng loạt các chương trình hợp tác, trao đổi giảng viên, sinh viên. Từ năm 2000 đến nay, các trường đại học trọng điểm Việt Nam đã tiếp nhận khoảng 650 lượt giảng viên, các nhà khoa học đến giảng dạy, trao đổi học thuật và hơn 300 lượt sinh viên, học sinh các nước thành viên đến học tập và giao lưu văn hóa. Đặc biệt, Việt Nam đã tiếp nhận nhiều nguồn học bổng của các nước ASEAN để triển khai các chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáng kể là:

- Chương trình học bổng dành cho học sinh phổ thông: Kể từ năm 1996 đến nay, Chính phủ Singapore hàng năm đều cung cấp học bổng cho học sinh phổ thông các nước ASEAN sang học tại Singapore. Số học bổng này tăng dần qua các năm và tính đến năm 2009, đã có 256 học sinh phổ thông của Việt Nam được nhận học bổng của Chương trình này. Song song với chương trình học bổng phổ thông, Chính phủ Singapore cũng cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam đi học đại học tại Singapore.

- Ngoài các khóa học dài hạn, sinh viên Việt Nam đã nhận được nhiều học bổng để tham gia các khóa học ngắn hạn, các diễn đàn sinh viên và các hoạt động giao lưu học thuật. Một số chương trình học bổng hợp tác giữa các trường đại học Việt Nam và các tổ chức khu vực được triển khai như: i) Chương trình học bổng của Quỹ Quốc tế Singapore (SIF-ASEAN), trong thời gian từ năm 2000-2009 đã có 22 sinh viên tham gia chương trình; ii) Chương trinh học bổng AUN-ROK - Chương trình trao đổi sinh viên giữa các đại học trong mạng lưới AUN và Hàn Quốc...

c) Xây dựng các chương trình hợp tác nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong khu vực – hợp tác trong Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN:

- Năm 2010, với tư cách là một trong những thành viên trụ cột Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC), Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo các đại học thành viên chuẩn bị và đề xuất sáng kiến hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN, tập trung vào Biến đổi khí hậu với hai nhiệm vụ chính là đào tạo và nghiên cứu như sau:

+ Xây dựng chương trình đào tạo quốc tế Thạc sĩ Biến đổi khí hậu (Master of Climate Change) cho Việt Nam và các nước trong khu vực;

+ Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học đánh giá, dự báo và khai thác các tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu cho sự phát triển bền vững của ASEAN. Chương trình hợp tác nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, xây dựng và hoạch định chính sách, đề ra chiến lược ứng phó thông minh với biến đổi khí hậu. Cũng với vai trò thành viên trụ cột của Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN, Bộ GD&ĐT đã tích cực tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến xây dựng các dự thảo Tuyên bố về phát triển nguồn nhân lực ASEAN, dự thảo Tuyên bố về phúc lợi của trẻ em và phụ nữ.

d) Tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao học sinh, sinh viên ASEAN:

- Ngoài việc tham gia các cuộc tranh tài về kiến thức khoa học, học sinh và sinh viên Việt Nam cũng rất tích cực tham gia các hoạt động về thể dục, thể thao và văn nghệ như: Đại hội thể thao học sinh, sinh viên ASEAN, được tổ chức tại các nước thành viên Đông Nam Á. Ngoài việc cử đoàn tham dự và đạt giải cao tại các ký Đại hội, năm 2006, Việt Nam đã đăng cai tổ và tổ chức thành công Đại hội Thể thao sinh viên Đông Nam Á lần thứ 13, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn bè các nước.

- Bên cạnh đó, trong khuôn khổ hoạt động ASEAN, sinh viên Việt Nam còn tích cực tham gia các hoạt động, các diễn đàn thường niên của sinh viên, thanh niên khu vực ASEAN như: Diễn đàn Giáo dục của AUN, Diễn đàn văn hóa thanh niên ASEAN, cuộc thi các nhà hùng biện trẻ, Hội thảo vai trò và sự tham gia của sinh viên vào quản trị đại học do AUN tổ chức, Hội nghị ASEAN's Today World Ngoài ra, nhiều đoàn học sinh Việt Nam cũng đã tham gia các trại hè do các nước ASEAN tổ chức.

e) Hợp tác khu vực trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học:

Một trong những hoạt động nhiệm vụ trong tâm của Bộ GD &ĐT và cũng là một trong những hoạt động hợp tác thành công của Việt Nam với khu vực ASEAN mà trực tiếp là Mạng lưới các Đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network-AUN) đó chính là công tác kiểm định chất lượng (KĐCL). Đây là một trong những đơn vị đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu và triển khai công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục . Rất nhiều đại học của Việt Nam đã chủ động tổ chức thực hiện và có những hoạt động hợp tác trong lĩnh vực KĐCL với c ác ĐH đối tác và các cơ sở giáo dục trong (AUN) như: 1) Tham gia Nhóm điều hành dự án "Xây dựng sổ tay đảm bảo chất lượng " của AUN (từ năm 2006); 2) Việt Nam đã tham gia đoàn đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn KĐCL của AUN các chương trình đào tạo tại Đại học Malaya – Malaysia, ĐH Công nghệ Bandung – Indonesia, ĐH Universitas –

Indonesia, ĐH Yogykarta – Indonesia, ĐH De La Salle – Philippines. 3) Trong năm 2008–2009, ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP. HCM đã tổ chức biên dịch Tiêu chuẩn KĐCL của AUN và AUN đã hỗ trợ đào tạo và cấp chứng chỉ Đánh giá viên KĐCL của AUN cho các cán bộ của Việt Nam.

f) Một số hoạt động khác:Việt Nam hưởng ứng các hoạt động của ASEAN hướng trọng tâm đến việc hợp tác với bên ngoài với những chương trình cụ thể sau:

- Thể chế hoá cơ chế hợp tác ASEAN+3 để có cam kết về nguồn lực tài chính cho việc triển khai chương trình hợp tác ASEAN+3 giai đoạn 2011-2017, bao gồm: hơn 40 dự án được thông qua tại HN Bộ trưởng Giáo dục ASEAN+3 lần thứ nhất (Indonesia, 7/2012). Hiện nay Việt Nam nhận tham gia chủ trì (cùng Thái Lan) dự án Thiết lập Mạng lưới Học tập suốt đời cho các nước ASEAN+3. Hàn Quốc thông qua KOICA đã hỗ trợ ODA cho Việt Nam triển khai dự án thành lập trường Đại học ASEAN qua mạng (Cyber University), đào tạo nguồn nhân lực cho các nước CLMV thông qua phương pháp học trực tuyến với máy chủ, trung tâm nguồn được đặt tại Việt Nam.

- Triển khai các dự án hợp tác trong khuôn khổ Đông Á (EAS), Úc đã chủ động đề xuất 13 dự án hợp tác phát triển, vận động các nước thành viên ASEAN tham gia chủ trì và thực hiện các dự án trên. VN tham gia 3 dự án là: Nghiên cứu khả thi về khung đảm bảo chất lượng trong giáo dục chuyên nghiệp; Nghiên cứu về hệ thống tương đương bằng cấp giữa các quốc gia trong khu vực; Chương trình phát triển kỹ năng lãnh đạo cho khu vực.

- Trong khuôn khổ ASEAN+3, VN đã tham dự HN về giáo dục đại học tại Nhật Bản (11/2013), trong đó tập trung vào nội dung đảm bảo chất lượng giáo dục đại học và thúc đẩy việc trao đổi giáo dục đại học (mobility of higher education) trong ASEAN+3.

- ĐH Cần Thơ đã được phê duyệt trở thành thành viên của Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN). Đây là trường đại học thứ 3 của VN tham gia mạng lưới này sau ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP HCM..

3.3. Hợp tác thông tin-truyền thông:

Từ trước khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của ASEAN (năm 1995), quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước ASEAN trong lĩnh vực BCVT và CNTT đã được thiết lập thông qua việc tham gia các diễn đàn, chương trình hợp tác chuyên ngành của ASEAN và các dự án đầu tư xây dựng mạng thông tin trong khu vực. Hợp tác về quản lý và khai thác các dịch vụ viễn thông, dịch vụ bưu chính và

chuyển phát giữa Việt Nam với các nước ASEAN được liên tục mở rộng, phục vụ kịp thời nhu cầu trao đổi thông tin và liên lạc, phát triển các mối quan hệ kinh tế xã hội và văn hoá giữa Việt Nam và các nước.

Ngay sau khi chính thức trở thành thành viên ASEAN, việc tham gia chủ động và tích cực của Việt Nam, với nhiều sáng kiến cụ thể đã góp phần tăng cường sự liên kết và nâng cao hiệu quả, làm cho các chương trình hợp tác ASEAN ngày càng đi vào thực chất hơn. Một trong những mốc quan trọng về hợp tác trong ASEAN trong lĩnh vực VT và CNTT là việc các nước thành viên đã thông qua Chương trình nghị sự Hà Nội (Ha Noi Agenda) tạo khuôn khổ cho việc xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực VT và CNTT một cách toàn diện và hệ thống. Đây là sáng kiến của Việt Nam được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông và CNTT ASEAN (TELMIN) lần thứ 5 tổ chức tại Hà Nội, dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ BCVT Việt Nam Đỗ Trung Tá. Hiện nay Chương trình nghị sự Hà Nội đang là cơ sở cho việc tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác đã có và xem xét các sáng kiến hợp tác mới trong ASEAN.

a) Trong lĩnh vực bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin (BCVT và CNTT):

- Hầu hết các nước ASEAN đều mới trải qua quá trình chuyển đổi ngành, từ độc quyền sang cạnh tranh và xây dựng môi trường chính sách cho sự phát triển của các dịch vụ mới trong xu thế hội tụ các công nghệ và dịch vụ viễn thông, điện tử, tin học và phát thanh truyền hình. Tham vấn về chính sách, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước là những nội dung hợp tác nổi bật trong thời gian qua. Việc phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau về chiến lược và kế hoạch phát triển không chỉ giúp đẩy mạnh sự phát triển của mỗi nước thành viên mà còn góp phần quan trọng trong việc xây dựng một không gian điện tử chung trong ASEAN (e-ASEAN), hướng tới việc phát triển các lĩnh vực xã hội điện tử, kinh doanh điện tử và chính phủ điện tử. Đây là các hành động cụ thể thực hiện mục tiêu quan trọng thể hiện trong Hiệp định khung e-ASEAN đã được Nguyên thủ các nước ký kết năm 2004.

- Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ và ứng dụng mạng, các nước ASEAN đã triển khai nhiều hoạt động phối hợp về các vấn đề liên quan đến an toàn an ninh mạng, xây dựng môi trường pháp lý cho giao dịch điện tử, nâng cao khả năng kết nối và tương thích của các mạng thông tin giữa các nước, hợp tác thu hẹp khoảng cách số và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xã hội, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa. Về phần mình, Việt Nam vẫn đã và đang tích cực tham gia và

chủ trì một số chương trình dự án như về xây dựng năng lực, thúc đẩy thương mại hàng hoá và dịch vụ CNTT-TT trong khuôn khổ hợp tác ICT trong ASEAN…

- Bên cạnh các chương trình hợp tác mang tính chuyên môn nêu trên, hiện nay điều kiện và năng lực thực tế đã cho phép chúng ta mở rộng hợp tác với các nước ASEAN cả về lĩnh vực thương mại hàng hoá và đầu tư.

b) Thương mại:

- Trong thời gian qua Việt Nam đã tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp CNTT và VT, các doanh nghiệp đã được đầu tư để hiện đại hoá và nâng cấp năng lực sản xuất. Các sản phẩm như thiết bị đầu cuối viễn thông, các hệ thống truyền dẫn và chuyển mạch, các loại cáp đồng, cáp quang, các loại thiết bị bưu chính… đã có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, đã được xuất khẩu sang một số nước trong khu vực.

- Gần đây, một số doanh nghiệp của Việt Nam như Tập đoàn BCVTVN (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) đã triển khai các dự án hợp tác đầu tư ra nước ngoài (một số nước trong khu vực như Campuchia, Lào, Myanmar...). Bộ TTTT khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục tối ưu hoá hiệu quả đầu tư, khai thác thị trường còn nhiều tiềm năng của các nước ASEAN.

c) ICT:

Một trong những dấu mốc quan trọng đối với các hoạt động hợp tác về ICT trong khu vực trên lộ trình hướng tới Một cộng đồng chung ASEAN là việc các nước ASEAN cùng chung tay xây dựng một Kế hoạch tổng thể về phát triển ICT hướng tới 2015. Sau Hiệp định khung e-ASEAN năm 2004, có thể nói Kế hoạch tổng thể ASEAN ICT Master Plan 2015 là một văn kiện có ảnh hưởng lớn và có tính định hướng đối với sự phát triển và các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực ICT, góp phần đưa ngành này trở thành động lực cho sự phát triển chung của Cộng đồng ASEAN. Kế hoạch tổng thể đã được Bộ trưởng các nước phê duyệt vào cuối năm 2010.

Trong giai đoạn hợp tác 2012-2013, Việt Nam đã có 05 dự án mới được phê duyệt và cấp vốn triển khai từ Quỹ ASEAN ICT Fund. Ngoài ra, Việt Nam vẫn đang triển khai có hiệu quả 04 dự án đã được phê duyệttrong giai đoạn 2011-2012.Bên cạnh các đóng góp cụ thể vào lộ trình hiện thực hóa AIM 2015 thông qua các đề xuất dự án, Việt Nam còn tích cực tham gia vào chương trình công tác chung của khu vực cũng như chủ trì nhiều nội dung hợp tác quan trọng về ICT, có thể kể đến như:Chủ trì Nhóm công tác về Tần số trong khuôn khổ Hội đồng các nhà quản lý Viễn thông ASEAN (ATRC); Chủ trì Diễn đàn Chính sách phổ tần ASEAN; Chủ trì điều phối các hoạt động hợp tác về ICT ASEAN-Nhật Bản…

d) Thông tin

- Tham gia điều phối các hoạt động trong khuôn khổ Tiểu ban Thông tin ASEAN, bao gồm việc tiếp tục duy trì tham gia các hoạt động thường xuyên (các dự án thực hiện trong ASEAN và với các nước đối thoại: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,...; tham dự tại các nước: Hội nghị Ủy ban Văn hóa Thông tin 48 tại Brunei, đoàn dự Hội thảo đạo đức báo chí ASEAN tại Thái Lan) và vận động các cơ quan/đơn vị của Việt Nam tham gia tích cực vào các hoạt động tuyên truyền này.

Năm 2012, Việt Nam đã có 3 dự án chủ động đề xuất (được phê duyệt 2 dự án thực hiện trong năm 2013) và đến năm 2013 số lượng các dự án đề xuất đã tăng lên 8 và được phê duyệt 7 dự án. Năm 2013, Việt Nam cũng tích cực tham gia thực hiện 9 dự án trong Tiểu ban Thông tin ASEAN và 9 dự án với các nước đối thoại.

3.4. Hợp tác Y tế:

Kể từ khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã tích cực tham gia các hoạt động hợp tác và hội nhập với ASEAN trong các lĩnh vực như y tế dự phòng, lĩnh vực dược và mỹ phẩm, lĩnh vực dịch vụ y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, y dược học cổ truyền... và đã đạt được một số kết quả trong các mảng hoạt động chính sau đây:

a) Lĩnh vực Y tế dự phòng:

- Phòng chống đại dịch cúm ở người:

+ Tham gia các cuộc họp quốc tế chia sẻ về kinh nghiệm phòng chống cúm A trên người;

+ Dự trữ thuốc Taminflu, bộ phòng chống dịch;

+ Tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống đại dịch trong khu vực;

+ Chia sẻ thông tin thông qua website của ASEAN.

- Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm:

+ Tham gia các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về phòng chống bệnh dịch tại các nước;

+ Tham gia các đoàn công tác tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác, quản lý triển khai các biện pháp kiểm soát dịch bệnh;

+ Tham gia các khóa đào tạo về báo cáo và giám sát bệnh truyền nhiễm, đánh giá dự án, đào tạo cán bộ về y tế công cộng;

+ Tổ chức các khóa đào tạo về dịch tễ học thực địa ngắn hạn và dài hạn, trao đổi học viên, giảng viên.

- Kiểm dịch y tế biên giới:

+ Tham gia các cuộc họp/hội thảo/hội nghị về phòng chống dịch bệnh lan truyền qua biên giới;

+ Chia sẻ bài học, kinh nghiệm về thực hiện Điều lệ y tế quốc tế (2005);

+ Tham gia các diễn tập phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm: cúm A(H5N1) và cúm A(H1N1) tại cửa khẩu;

+ Tổ chức tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm về công tác kiểm dịch y tế biên giới trong phòng chống bệnh truyền nhiễm lan truyền qua cửa khẩu.

b) Lĩnh vực dược và mỹ phẩm:

- Nhóm công tác về Dược phẩm:

+ Trong khuôn khổ hoạt động của Nhóm Công tác về Dược phẩm, thuộc Ủy ban Tư vấn về Tiểu chuẩn và Chất lượng của ASEAN (ACCSQ-PPWG), hoạt động hợp tác lớn nhất với ASEAN là việc Việt Nam tham gia nhóm hòa hợp của ASEAN về hồ sơ đăng ký thuốc ACTD và các hướng dẫn kỹ thuật có liên quan của ASEAN trong lĩnh vực này. Kể từ khi Thông tư số 22/2009/TT-BYT ngày 24/11/2009 quy định việc đăng ký thuốc có hiệu lực vào ngày 24/05/2010, Việt Nam được coi là đã thực hiện đầy đủ cam kết triển khai ACTD với ASEAN.

+ Thông qua cơ chế hợp tác của ASEAN, nhiều cán bộ của Cục Quản lý Dược đã tham gia các khóa đào tạo của ASEAN về nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý dược, cũng như các hội thảo, diễn đàn quốc tế để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm quản lý với các nước ngoài khu vực (VD Hoa Kỳ, EU, v.v.).

- Nhóm công tác về Theo dõi và trao đổi thông tin PMS – ASEAN: Công tác trao đổi thông tin trong hệ thống về PMS của khối ASEAN bắt đầu được thiết lập từ năm 2006, tuy nhiên công tác này thực sự được triển khai từ năm 2007 và Việt Nam thực hiện từ năm 2008.

- Nhóm công tác về mỹ phẩm:

+ Ngày 02/9/2003, Bộ trưởng Bộ Th¬¬ương mại đã thay mặt Chính phủ Việt Nam ký Hiệp định hoà hợp mỹ phẩm ASEAN, trong đó các điều khoản quy định trong Hiệp định đ¬ược thực hiện đầy đủ từ 01/01/2008, thống nhất cách thức quản lý mỹ phẩm tại các nước ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh mỹ phẩm, hướng tới một thị trường chung của ASEAN, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong việc đảm bảo an toàn, chất lượng và tính năng có lợi của tất cả các sản phẩm mỹ phẩm trên thị trường ASEAN, loại bỏ những hạn chế đối với việc kinh doanh mỹ phẩm giữa các quốc gia thành viên thông qua việc hoà hợp các quy định kỹ thuật.

+ Trong công tác hội nhập về lĩnh vực mỹ phẩm, Việt Nam đã tham gia các kỳ họp của Hội đồng mỹ phẩm ASEAN (ACC), Hội đồng Khoa học kỹ thuật ASEAN (ACSB) tổ chức 2 lần/năm, triển khai, thực hiện các kết luận của Hội đồng mỹ phẩm ASEAN tại Việt Nam.

c) Lĩnh vực Y dược học Cổ truyền:

- Việt Nam đã tham gia các hoạt động hoà hợp ASEAN về thuốc y học cổ truyền (TM), tham gia các cuộc họp, hội nghị về y học cổ tuyền của ASEAN, đặc biệt là Hội nghị Y học Cổ truyền các nước ASEAN lần thứ nhất.

- Tại Hội nghị này, các nước ASEAN đã thảo luận về các lĩnh vực có khả năng hợp tác trong tương lai. Từ ngày 31/10-2/11/2010, Việt Nam đã chủ trì, tổ chức Hội nghị Y học Cổ truyền các nước ASEAN lần thứ 2 tại Hà Nội.

d) Lĩnh vực An toàn Vệ sinh thực phẩm:

Việt Nam đã tham gia tích cực đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản của ASEAN và cử cán bộ tham dự các cuộc họp của Nhóm Công tác về an toàn thực phẩm của ASEAN.

e) Các Thỏa thuận, Hiệp định đã ký kết:

Các Thoả thuận Thừa nhận lẫn nhau về Dịch vụ Điều dưỡng, về Người hành nghề Y và Người hành nghề Nha khoa tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tham gia vào thị trường dịch vụ khu vực, nâng cao trình độ nguồn nhân lực về điều dưỡng, người hành nghề y và người hành nghề nha khoa, thu hút được các bác sỹ giỏi vào làm việc tại Việt Nam và tạo cơ hội để đưa lao động Việt Nam ra làm việc tại các nước trong khu vực.

Thỏa thuận Công nhận lẫn nhau trong Thanh tra Thực hành tốt Sản xuất thuốc đối với các cơ sở sản xuất dược phẩm trong khu vực ASEAN tạo điều kiện để loại bỏ các hàng rào kỹ thuật cũng như thúc đẩy, tạo thuận lợi trong thương mại và tạo điều kiện cho việc lưu thông các sản phẩm dược phẩm trong khu vực ASEAN.

Để có được kết quả trên, Bộ Y tế đã tích cực cử các cán bộ tham dự các Phiên họp của Ủy ban Điều phối dịch vụ ASEAN và Nhóm công tác về Dược phẩm của ASEAN để thảo luận, đóng góp ý kiến cho các bản Thỏa thuận nêu trên và trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3.5. Hợp tác tài nguyên và môi trường

3.5.1. Kết quả hợp tác

Tháng 2/1996 ASOEN Việt Nam được thành lập và các nhóm công tác thuộc ASOEN Việt Nam được hình thành. Ngay sau khi thành lập, ASOEN Việt Nam đã

hòa nhập và tích cực tham gia vào tất cả các hoạt động, diễn đàn môi trường trong ASEAN.

Tháng 2/1998, ta đã tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN không chính thức lần thứ 4. Tại Cuộc họp này, Việt Nam đã đề xuất ra sáng kiến tổ chức diễn đàn môi trường ASEAN để trao đổi kinh nghiệm và các bài học thực tế trong các vấn đề về môi trường.

Năm 1999, Việt Nam đã tổ chức thành công Diễn đàn Môi trường ASEAN với tổng số khoảng 750 người tham dự gồm 6 Hội thảo khoa học về môi trường và 01 triển lãm quốc tế về các thành tựu khoa học về môi trường.

Nhận và thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASOEN từ cuối năm 2002. Hiện Việt Nam vẫn đang là năm thứ 2 giữ chức Chủ tịch ASOEN theo nhiệm kỳ 3 năm. Trong vai trò Chủ tịch ASOEN, Việt Nam đã chủ trì thành công các cuộc họp ASOEN lần thứ 14 và lần thứ 15.

Năm 2008, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN không chính thức lần thứ 11, Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN+3 lần thứ 7 và Hội nghị Bộ trưởng Môi trường EAS lần thứ nhất (sáng kiến của Thủ tướng ta).

Trong năm 2013, Việt Nam đã chủ trì tổ chức nhiều hoạt động quan trọng liên quan như: Hội thảo cấp cao Đông Á về Thành phố bền vững môi trường lần thứ 4 do Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Môi trường Nhật Bản được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 3 năm 2013 trong khuôn khổ hợp tác cấp cao Đông Á về Thành phố bền vững môi trường; Hội nghị Nhóm công tác ASEAN về các công ước đa phương môi trường lần thứ 17 được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 04-05 tháng 7 năm 2013; Tổ chức thành công Lễ Trao Chứng nhận Vườn Quốc gia U Minh Thượng là Vườn Di sản ASEAN, nâng tổng số thành 5 Vườn Di Sản ASEAN của Việt Nam; Hội thảo quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (ABS) do Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học phối hợp với Trung tâm Đa dạng sinh học ASEAN (ACB) được tổ chức thành công từ ngày 21-22 tháng 11 tại Hà Nội.

Ngoài ra, Việt Nam cũng tích cực tham gia đóng góp tại các Hội nghị quan trọng của ASEAN như Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về môi trường lần thứ 24 và Hội nghị Bộ trưởng môi trường ASEAN phi chính thức lần thứ 14; và tham gia các khóa tập huấn/ hội thảo tăng cường năng lực về các lĩnh vực quản lý chất thải rắn, tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, quản lý môi trường đô thị, biến đổi khí hậu trong khuôn khổ ASEAN+3.

3.6. Hợp tác công vụ

Từ khi tham gia ACCSM, ta đã tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động của các ACCSM và có những đóng góp có ý nghĩa. Đặc biệt, Việt Nam đã chủ trì, tổ chức thành công ACCSM 11 tại Việt Nam trong nhiệm kỳ 2001-2002 với chủ đề "Nền Công vụ các nước ASEAN vì sự phát triển năng động và bền vững". Hội nghị đã thông qua các sáng kiến nâng cao hợp tác ASEAN về các vấn đề công vụ, đó là (i) tăng cường cơ chế hợp tác, chia sẻ và trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa các nước thành viên; (ii) tạo điều kiện và đẩy mạnh hoạt động trao đổi những kinh nghiệm và thực tiễn về cải cách công vụ ở mỗi nước thành viên.

Hiện nay Việt Nam đang chủ trì Trung tâm nguồn ASEAN-Việt Nam về chủ đề quản lý nhân sự với mục tiêu: (i) thực hiện các nghiên cứu trong nước về quản lý biên chế, các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với công chức, (ii) thực hiện một cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cơ quan công vụ của các nước ASEAN trong lĩnh vực này và (iii) phân tích các thông tin nhận được và tổ chức hội thảo nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ công chức trong tiến trình cải cách hành chính và hội nhập ASEAN của Việt Nam.

Năm 2013, Việt Nam tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia hợp tác ASEAN trong lĩnh vực công vụ, công chức theo sự phân công của Chính phủ. Cụ thể, tham dự và đóng góp tích cực tại hai sự kiện chính thức thuộc Hội nghị ASEAN về các vấn đề công vụ (ACCSM) lần thứ 17 tại Myanmar (bao gồm Cuộc họp chuẩn bị và Cuộc họp cấp Chuyên viên cao cấp (SOM). Ngoài ra, Bộ cũng đã cử đại diện tham dự một số hội thảo và khóa đào tạo ngắn ngày về công vụ, công chức được tổ chức tại Thái Lan.

Ngoài ra, Bộ Nội vụ, với tư cách là cơ quan tham gia trực tiếp trong lĩnh vực này, đã nỗ lực tiếp tục thực hiện mục tiêu của hợp tác ASEAN trong lĩnh vực công vụ của Việt Nam là góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong ASEAN; để các nước thành viên có cái nhìn đúng đắn về bộ máy hành chính, đội ngũ công chức, chương trình cải cách hành chính mà chúng ta đang tiến hành; học hỏi và tiến tới nghiên cứu áp dụng một số mô hình, phương thức quản lý công vụ có hiệu quả của các nước thành viên; tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ theo nhiều hình thức khác nhau để phát triển nguồn nhân lực trong nền công vụ.

3.7. Hợp tác văn hóa

Sau hơn 15 năm tham gia ASEAN (đến 2010), ngành VHTT của VN đã trưởng thành vượt bậc, ta tham gia trên 100 dự án về VHTT ASEAN, ta cũng chủ

động điều phối một số dự án và đạt được chất lượng cao. Năm 1995, VN tham gia vào 18 dự án ASEAN, đến năm 1997, ta tham gia 34 dự án, trong đó có 12 dự án được thực hiện ở VN. Từ 1997 đến 2000, ASEAN đã thực hiện các chương trình phát triển hệ thống ASEAN Web, kênh truyền hình vệ tinh ASEAN, liên hoan nghệ thuật ASEAN, chương trình hữu nghị tuổi trẻ ASEAN, tham gia triển lãm World Expo 2000. Năm 2001, Tiểu ban Thông tin họp tại Hà Nội, ASEAN đã xây dựng nhiều dự án chung về thông tin.

Trong lĩnh vực thể thao, tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 18 (Jakarta, 7-8/5/2011), các nhà Lãnh đạo đã thông qua đề xuất thiết lập Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Thể thao (AMMS). Bên cạnh Hội nghị AMMS, Hội nghị các Quan chức cao cấp ASEAN về Thể thao cũng được thiết lập nhằm giúp việc và báo cáo lên AMMS. Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch, cụ thể là Tổng cục Thể dục Thể thao là cơ quan chủ quản của ta về các vấn đề hợp tác thể dục thể thao trong ASEAN.

Thời gian vừa qua, Việt Nam đã tham gia tích cực nhiều hoạt động nhằm tăng cường quan hệ, hiểu biết giữa Việt Nam và các nước thông qua các hoạt động như: giới thiệu văn hoá nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài; tham gia các hoạt động thể dục thể thao khu vực và quốc tế ; các hoạt động giao lưu được tổ chức nhân những ngày lễ lớn và những hoạt động đối ngoại quan trọng của Việt Nam. Chẳng hạn như: tham gia Hội nghị Bộ trưởng Văn hóa ASEAN-Hàn Quốc (Hàn Quốc từ ngày 03 – 07/9/2013); Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam đăng cai tổ chức Hội thảo, Trưng bày và Trình diễn Nghề dệt truyền thống ASEAN lần thứ 4 tại tỉnh Thái Nguyên từ ngày 15 đến 18/3/2013; tổ chức xây dựng Khu triển lãm "Không gian Văn hóa Việt Nam – ASEAN" tại Festival Di sản Quảng Nam lần thứ V, từ ngày 22-26/6/2013; tham gia Hội thảo về "Chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn các di sản văn hóa Quốc gia" tại Thái Lan (Đây là một trong những dự án hợp tác của Ủy ban Văn hóa – Thông tin ASEAN); tham gia Hội thảo Nghiên cứu hợp tác phát triển nguồn nhân lực Văn hóa 10+3 lần thứ 8 và Hội nghị Hợp tác Văn hóa ASEAN + 3 lần thứ 2 tại Trung Quốc từ ngày 12-21/5/2013; tham dự và đóng góp tích cực tại Cuộc họp đặc biệt các cán bộ cấp cao về Văn hóa Nghệ thuật (SOMCA) và Hội nghị lần thứ 14 của Tiểu ban Văn hóa (SCC) - Ủy ban Văn hóa Thông tin ASEAN (ASEAN-COCI) tại Myanmar từ ngày 16-21/6/2013; tham dự "Lễ hội ASEAN" được tổ chức tại Purwakarta, Indonesia vào ngày 29/6/2013, và "Trại giao lưu nghệ sĩ trẻ Trung Quốc-ASEAN" từ ngày 23/6 – 12/7/2013; và dự Hội nghị lần thứ 48 Ủy ban Văn hóa Thông tin ASEAN (ASEAN-COCI) tại Brunei Darussalam từ ngày 18 đến 22/11/2013 …

Trong tháng 4/2014, Việt Nam sẽ chủ trì tổ chức Hội nghị Bộ trưởng phụ trách Văn hóa Nghệ thuật ASEAN (AMCA) lần thứ 6 và các Hội nghị liên quan tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.8. Hợp tác khoa học-công nghệ

Việt Nam bắt đầu hợp tác về KHCN với ASEAN từ năm 1995, với việc tham gia Khoá họp lần thứ 31 của COST tại Brunei, từ 20-24/3/1995 với tư cách quan sát viên và Khoá họp thứ 32 tại Băng Cốc, Thái Lan, từ 23-25/8/1995 với tư cách thành viên chính thức. Được Chính phủ giao nhiệm vụ là cơ quan đầu mối quốc gia về lĩnh vực hợp tác này, Bộ KHCNMT đã thành lập Uỷ ban KHCN ASEAN của Việt Nam, do một Thứ trưởng làm Chủ tịch, với sự tham gia của nhiều Bộ ngành (Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Khí tượng và Thuỷ văn) và Viện nghiên cứu khoa học.

Việt Nam đã tham gia tích cực và đã có những đóng góp vào các hoạt động, các chương trình khoa học, công nghệ hết sức quan trọng của ASEAN như Hội nghị Bộ trưởng khoa học và công nghệ, Uỷ ban Khoa học và Công nghệ ASEAN (COST), các Tiểu ban và Nhóm công tác chuyên môn cũng như Tuần lễ khoa học và công nghệ ASEAN, tham gia nhiều dự án khoa học công nghệ và môi trường hợp tác giữa ASEAN với các bên đối thoại như Canađa, Ôxtrâylia, Niu Dilân, EU, Ấn độ, Hàn quốc, UNDP..., thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ Khoa học ASEAN v.v...

Việt Nam đã chủ trì việc điều hành Tiểu ban ASEAN về Khí tượng và Vật lý địa cầu trong nhiệm kỳ 1996-1999, Tiểu ban ASEAN về KHCN Biển - nhiệm kỳ 1999-2002 Tiểu ban ASEAN về Cơ sở hạ tầng và Tiềm lực KHCN (2002-2005), Tiểu ban công nghệ sinh học (2005-2008). Ta đã đảm nhiệm Chức Chủ tịch ASEAN COST năm 2003. Điều này không những đã tạo điều kiện cho ta nắm vững được thực tế của hoạt động hợp tác KHCN ASEAN, mà còn tạo điều kiện khai thác các khả năng, cơ hội mở ra và đóng góp thiết thực vào sự nghiệp chung của toàn khu vực ASEAN. Ta đã đăng cai tổ chức nhiều hội nghị, triển lãm qui mô lớn: Tuần lễ KHCN ASEAN, chủ trì hoạt động của một số tổ chức ASEAN, đề xuất và thực hiện nhiều dự án, sáng kiến hợp tác KHCN của ASEAN v.v...

Thời gian qua, hoạt động hợp tác ASEAN chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực như tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, và hoạt động hợp tác KHCN trong ASEAN COST.

Hoạt động hợp tác ASEAN trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp chủ yếu thông qua Uỷ ban Tư vấn về Tiêu chuẩn và Chất lượng (ACCSQ). Trong tham gia Ủy ban này, ta đã ký kết nhiều hiệp định, thỏa thuận quan trong như: Hiệp định khung ASEAN về các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau; Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau của ASEAN về thiết bị điện và điện tử; Hiệp định hài hoà quy chế quản lý thiết bị điện-điện tử của ASEAN; Hiệp định về Hệ thống hoà hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm; Hiệp định về thanh tra GMP đối với các nhà sản xuất dược phẩm…

Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Việt Nam tích cực Phối hợp với các nước ASEAN từng bước thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình hành động ASEAN về sở hữu trí tuệ giai đoạn 2011-2015 hướng tới thực hiện các mục tiêu Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, tích cực triển khai các sáng kiến mà VN chủ trì và đồng chủ trì với các nước ASEAN khác, tham gia Nhóm Công tác về Hợp tác sở hữu trí tuệ các nước ASEAN (AWGIPC) cũng như các cuộc họp đối thoại giữa AWGIPC và các đối tác của ASEAN về sở hữu trí tuệ…

Việt Nam cũng là thành viên tích cực của Uỷ ban hợp tác KHCN ASEAN (COST), tham gia đầy đủ và đóng góp tích cực tại các cuộc họp của Ủy ban như Thảo luận cách thức, nội dung xây dựng chương trình hành động KHCN và đổi mới ASEAN giai đoạn 2015-2020 (APASTI); chủ trì cluster về công nghệ xanh, quản lý nước và an ninh lương thực.

Ngoài ra, ta cũng tham gia cuộc họp tham vấn hợp tác về KHCN ASEAN và các nước Đối thoại ASEAN-Ấn Độ, ASEAN-Nga, ASEAN-Nhật Bản, ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN+3 với các định hướng và nội dung hợp tác tích cực và cụ thể

3.9. Quan hệ đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân:

Trong 15 năm tham gia hợp tác ASEAN, Việt Nam đã khẳng định được vị thế và uy tín của mình. Tham gia hợp tác trong ASEAN đã góp phần quan trọng trong việc củng cố môi trường hòa bình và an ninh cho sự nghiệp phát triển đất nước, tạo điều kiện cho việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng ta.

a) Về quan hệ đối ngoại Đảng:

Duy trì, củng cố và mở rộng mối quan hệ giữa Đảng ta với các chính đảng của các nước trong ASEAN, nhất là với các đảng cầm quyền và các chính đảng lớn, có vị thế trên chính trường các nước, đồng thời tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương của các chính đảng trong khu vực.

Bên cạnh quan hệ đặc biệt giữa Đảng ta với các Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Nhân dân Campuchia, ta tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ với một số đảng cầm quyền: Đảng hành động nhân dân Xinh-ga-po (PAP) (thiết lập quan hệ chính thức tháng 10/1993); Đảng Dân chủ Thái Lan (DP) (năm 1993); Đảng Tổ chức dân tộc thống nhất Mã Lai (UMNO) (tháng 3/1994); Đảng Golkar In-đô-nê-xi-a (tháng 6/1996); ngoài ra ta có quan hệ tiếp xúc với một số đảng khác như Đảng Dân chủ đấu tranh In-đô-nê-xi-a; Đảng Dân chủ Hồi giáo và Thiên chúa giáo Phi-lip-pin (Lakas-CMD).

Bên cạnh đó, ta tích cực tham gia Hội nghị quốc tế các đảng chính trị châu Á (ICAPP) từ năm 2000 với mục tiêu nhằm thúc đẩy đoàn kết, hợp tác và phát triển trong khu vực. Đến nay ta đã tham gia 10 năm hoạt động của ICAPP với 12 kỳ Hội nghị, thu hút ngày càng lớn số lượng các đảng chính trị tham gia.

b) Về quan hệ đối ngoại nhân dân:

Chú trọng duy trì, phát triển công tác ngoại giao nhân dân, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân; khuyến khích sự tham gia của các tầng lớp xã hội vào hợp tác ASEAN, không ngừng mở rộng với các đối tác trong khu vực.

Đến nay, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta đã phát triển được một mạng lưới rộng khắp với nhiều đối tác trong khu vực trên tất cả các lĩnh vực (hòa bình hữu nghị, xóa đói giảm nghèo cũng như dân chủ tôn giáo nhân quyền), nhanh chóng thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức, cơ chế trong ASEAN, mở rộng quan hệ với các cơ chế, tổ chức đa phương mang tính khu vực.

Ta đã tham gia, trở thành thành viên và đóng góp tích cực trong cộng đồng ASEAN, điển hình là Hội Liên hiệp Phụ nữ VIệt Nam gia nhập Hội đồng các tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gia nhập Hội đồng Công đoàn ASEAN (ATUC), Hội Cực chiến binh Việt Nam gia nhập Liên đoàn Cựu Chiến binh ASEAN (VECONAC), Hội Nhà báo Việt Nam gia nhập Liên đoàn Nhà báo ASEAN (CAJ), Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam gia nhập Hiệp hội Sở hữu trí tuệ ASEAN, Hội Luật gia Việt Nam gia nhập Hội luật gia các nước ASEAN (ALA)… Trong quá tình hội nhập khu vực, các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta đã khẳng định vai trò và vị thế của mình khu đảm đương các trọng trách trong các cơ chế đa phương trong khu vực, từ việc đăng cai tổ chức Đại hội, đảm nhiệm vai trò Chủ tịch luân phiên, điều phối viên… của các tổ chức da phương khu vực đến việc tổ chức các diễn đàn lớn song song với các diễn đàn chính thức (tới đây Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đăng cai Diễn đàn nhân dân ASEAN VI)

Đa dạng hóa lĩnh vực hợp tác: Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức nhân dân đã tăng cường các hoạt động đối ngoại trong các lĩnh vực từ hòa bình hữu nghị đến hợp tác phát triển, an sinh xã hội, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, từ các lĩnh vực, vấn đề truyền thống đến các lĩnh vực, vấn đề mới mang tính thời sự như chống chạy đua vũ trang, phổ biến vũ khí hạt nhân, từ hỗ trợ nạn nhân Da cam/Dioxin đến chống nạn buôn bán người, bảo vệ phụ nữ và trẻ em, những vấn đề nhạy cảm như dân chủ, tôn giáo, nhân quyền.

3.10. Hợp tác thanh tra:

Ngay từ năm 1995, Thanh tra Chính phủ đã có các hoạt động hợp tác song phương về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng với một số nước ASEAN và sau đó là các hoạt động đa phương trong các diễn đàn quốc tế và khu vực ASEAN.

a) Hợp tác song phương:

- Thanh tra Chính phủ đã ký kết thoả thuận hợp tác với các cơ quan thanh tra, chống tham nhũng của 5 nước trong khu vực, bao gồm: Cơ quan Thanh tra Nhà nước Lào (năm 1995), Bộ Quan hệ với Quốc hội -Thượng viện và Thanh tra Campuchia (năm 2003), Uỷ ban chống tham nhũng Inđônêxia (năm 2007), Ủy ban chống tham nhũng Malaysia (năm 2010) và Cục Điều tra các Hành vi tham nhũng Singapo (năm 2010) và dự kiến ký kết thỏa thuận hợp tác với các cơ quan có chức năng tương ứng của Thái Lan và các nước còn lại trong khối ASEAN.

- Nội dung hợp tác song phương chủ yếu tập trung vào hợp tác về đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; chia sẻ kinh nghiệm, thông tin về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hỗ trợ kỹ thuật trong khả năng có thể. Cơ chế tổ chức thực hiện các cam kết hợp tác này chủ yếu thông qua hình thức trao đổi đoàn hàng năm - gồm có đoàn đi thăm, làm việc và đoàn đi đào tạo nghiệp vụ. Trên thực tế, trong những năm gần đây, Thanh tra Chính phủ đã giúp đào tạo nghiệp vụ thanh tra cho nhiều cán bộ thanh tra của Lào và Campuchia, được Chính phủ và cơ quan thanh tra của Lào và Campuchia đánh giá cao.

b) Hợp tác đa phương:

- Sau một thời gian là quan sát viên, Thanh tra Chính phủ trở thành thành viên chính thức của Thỏa thuận hợp tác đa phương về phòng, chống tham nhũng khu vực Đông Nam Á từ tháng 9/2007. Điều đáng chú ý là hoạt động hợp tác đa phương này là do các cơ quan chống tham nhũng của các nước khu vực Đông Nam Á (vốn đều là thành viên của ASEAN) tự khởi xướng từ năm 2004 chứ không phải là hoạt động hợp

tác chính thức trong khuôn khổ tổ chức ASEAN. Hiện Thỏa thuận đã có tám thành viên (trong đó bốn thành viên sáng lập từ năm 2004 là Cơ quan Chống tham nhũng Brunei, Uỷ ban Chống tham nhũng Inđônêxia, Cơ quan chống tham nhũng Malaysia, Cơ quan Chống tham nhũng Singapore và bốn thành viên gia nhập năm 2007 là Cơ quan Chống tham nhũng Campuchia, Cơ quan Thanh tra Philippin, Uỷ ban Chống tham nhũng Quốc gia Thái Lan, Thanh tra Chính phủ Việt Nam). Thỏa thuận để ngỏ cho hai nước thành viên còn lại của ASEAN là Lào và Myanmar gia nhập trong thời gian tới.

- Nội dung hợp tác chính bao gồm: (i) trao đổi, chia sẻ thông tin và phối hợp trong hoạt động phòng, chống tham nhũng; (ii) hợp tác trong đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; trao đổi chuyên gia; (iii) hỗ trợ kỹ thuật khi cần thiết; (iv) đăng cai và tham gia vào các diễn đàn, hội thảo, hội nghị khu vực về phòng, chống tham nhũng. Ban Thư ký của Thỏa thuận gồm đại diện của mỗi nước thành viên được thành lập để hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động hợp tác. Hội nghị toàn thể của Tổ chức (tiếng Anh gọi tắt là Hội nghị SEA-PAC) và cuộc họp Ban Thư ký diễn ra một năm một lần, do các nước thành viên luân phiên tổ chức. Thanh tra Chính phủ đã đăng cai tổ chức thành công, có hiệu quả Hội nghị SEA-PAC lần thứ 5 (năm 2009) và Cuộc họp Ban Thư ký SEA-PAC lần thứ 6 (tháng 6 năm 2010) tại Hà Nội.

3.11. Hợp tác thanh niên:

Cơ chế hoạt động cấp cao nhất trong khuôn khổ hợp tác thanh niên ASEAN là Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN (AMMY) được tổ chức 2 năm/lần và luân phiên tại các nước ASEAN. Việt Nam tham gia trong cơ chế này qua Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam

a) Về sự tham gia của Việt Nam:

Trên lĩnh vực công tác thanh niên, trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực, có nhiều đóng góp:

Việt Nam giữ cương vị Chủ tịch Tiểu ban Thanh niên ASEAN (nay đổi thành Hội nghị Quan chức cao cấp về Thanh niên ASEAN-SOMY) nhiệm kỳ 1996 - 1998. Việt Nam đã đăng cai tổ chức Hội nghị Tiểu ban Thanh niên ASEAN lần thứ 14 (1996); Ngày Thanh niên ASEAN lần thứ 7 (8/1998). Đặc biệt, với tư cách là điều phối viên mảng đào tạo nghề cho thanh niên ngoài nhà trường trong ASEAN, Việt Nam đã đăng cai và triển khai thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực như: Hội thảo về đào tạo nghề cho Thanh niên ngoài nhà trường (12/1997); Hội thảo về Đào tạo nghề cho thanh niên ngoài nhà trường lần 2 (10/1998); Tập huấn khu vực về

kỹ năng tự lập nghiệp cho thanh niên ngoài nhà trường (5/2002);Thành lập danh bạ các Trung tâm dạy nghề cho thanh niên trong ASEAN, tiến tới nối mạng các Trung tâm.Năm 2006, ta đã hưởng ứng sáng kiến về Mười tổ chức Thanh niên xuất sắc nhất trong ASEAN (ASEAN TAYO), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một trong 10 tổ chức được trao tặng giải thưởng này. Ta cũng đã đề cử 4 gương mặt thanh niên xuất sắc của Việt Nam để đưa vào Sách về các gương mặt thanh niên ASEAN tiêu biểu (Book on ASEAN Youth Hero).

Năm 2011, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN lần thứ VII (AMMY VII), Hội nghị AMMY+3 và các Hội nghị Quan chức cao cấp (SOMY, SOMY+1, SOMY+3). Hội nghị đã đề ra nhiều sáng kiến, trong đó nổi bật là sáng kiến Hà Nội do Việt Nam đề xuất, được các nước ASEAN đánh giá cao. Hội nghị đã ra Tuyên bố chung trong đó khẳng định Sáng kiến Hà Nội góp phần tăng cường hơn nữa hợp tác toàn diện trong lĩnh vực thanh niên, nâng cao sự gắn bó và hiểu biết giữa các tầng lớp thanh niên, lãnh đạo trẻ trong khu vực. Bên lề Hội nghị, cũng đã diễn ra nhiều sự kiện gây ấn tượng cho đại biểu như Đêm văn hóa ASEAN, Triển lãm các hoạt động thanh niên, Festival thanh niên ASEAN+3…

b) Trong khuôn khổ hợp tác thanh niên ASEAN với các đối tác:

- ASEAN+Nhật Bản: Chương trình Tàu Thanh niên Đông Nam Á (bắt đầu từ năm 1974) và Chương trình Mời Thanh niên (Bắt đầu từ năm 1984 với việc mời hàng nghìn thanh niên từ các quốc gia Đông Nam Á sang Nhật Bản hàng năm thông qua giao lưu song phương với Nhật Bản và đa phương Nhật Bản - ASEAN), nay đổi tên thành Chương trình Đào tạo Lãnh đạo trẻ.Việt Nam tham gia vào hai chương trình này từ 1995. Từ năm 2008, Chương trình Giao lưu thanh niên học sinh Nhật Bản – Đông Á (gọi tắt là CT JENESYS) được triển khai thông qua việc mời giáo viên, học sinh sang Nhật thăm và giao lưu. Từ năm 2010, ta cũng tổ chức đón đoàn giáo viên, học sinh Nhật Bản sang giao lưu tại Việt Nam trong khuôn khổ Chương trình này, cử đại diện thanh niên tham gia các chương trình giao lưu thanh niên ASEAN- Nhật bản tại một số thành phố trong ASEAN.

- ASEAN+Trung Quốc: Hội nghị Bộ trưởng Thanh niên ASEAN-Trung Quốc lần thứ nhất (Bắc Kinh, 29 - 30/9/2004) đã thông qua Tuyên bố Bắc Kinh về hợp tác thanh niên ASEAN-Trung Quốc và Kế hoạch hành động chung nhằm thực hiện Tuyên bố Bắc Kinh. Theo đó, Trung Quốc đăng cai tổ chức các hoạt động hội thảo, diễn đàn, giao lưu với thanh niên ASEAN hàng năm tại Trung Quốc theo các lĩnh vực/đối tượng ưu tiên bao gồm lãnh đạo trẻ, doanh nghiệp trẻ, công chức trẻ... Ta đã

thường xuyên cử các đoàn tham gia các chương trình như Trại Thanh niên ASEAN-Trung Quốc, giao lưu viên chức trẻ ASEAN-Trung Quốc, Chương trình Sáng tạo trẻ ASEAN- Trung Quốc; năm 2010, Việt Nam chủ trì tổ chức Diễn đàn Doanh nhân trẻ ASEAN – Trung Quốc lần thứ 3 tại Hà Nội…

- ASEAN+Hàn Quốc: Trong những năm gần đây, Hàn Quốc khởi xướng và chủ trì một số hoạt động hợp tác thanh niên với ASEAN, tiêu biểu là Chương trình giao lưu thanh niên ASEAN – Hàn Quốc hướng tới tương lai" được tổ chức hàng năm (từ năm 1994) tại Hàn Quốc với sự tham gia của khoảng trên 100 thanh niên đến từ các nước ASEAN và Hàn Quốc. Trong khuôn khổ chương trình này, Hàn Quốc cũng cử các đoàn đại biểu thanh niên đi thăm và giao lưu với thanh niên các nước ASEAN. Việt Nam cử đoàn tham gia Chương trình này từ năm 1998 và đón đoàn vào từ năm 2001 cho đến nay.